TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH** Bản án số: 60/2024/HSST Ngày: 12/6/2024	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hòa.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Minh Phương.

2. Ông Ngô Bá Tiến.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thu Thủy – Thư ký TAND tỉnh Bắc Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Toán Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2024/TLST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2024/QĐXXST-HS ngày 29/5/2024 đối với các bị cáo:

1. **Lê Minh T**, sinh năm 1982, tại Hải Phòng; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Số C đường L, phường L, quận L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Minh Q, sinh năm 1938 và bà Trịnh Thị V, sinh năm 1950; gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là thứ tư; có vợ là Đào Thị H, sinh năm 1986 và 02 con đều sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân:

- Tại bản án hình sự số 220 ngày 16/11/1999 của Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản công dân" theo quy định tại Khoản 1, Điều 155 Bộ luật hình sự năm 1985. Ra trại ngày 01/9/2000, đã chấp hành xong quyết định của bản án.

- Tại bản án hình sự số 247 ngày 28/10/2002 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại Khoản 1, Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Ra trại ngày 13/01/2005, đã chấp hành xong quyết định của bản án.

- Tại bản án hình sự số 112 ngày 31/05/2007 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xử phạt 36 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Ra trại ngày 03/11/2009, đã chấp hành xong quyết định của bản án.

- Tại bản án hình sự số 283 ngày 23/06/2010 của Toà án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xử phạt 27 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Ra trại ngày 19/01/2012, đã chấp hành xong quyết định của bản án.

- Tại bản án hình sự số 543 ngày 30/09/2013 của Toà án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Ra trại ngày 24/5/2015, đã chấp hành xong quyết định của bản án.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/10/2023 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B; có mặt.

2. **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1982, tại Hải Phòng; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn N, xã H, huyện V, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L1 (đã chết) và bà Trần Thị S, sinh năm 1952; gia đình có 02 anh em, bị cáo là thứ nhất; có vợ là Hoàng Thị Như H1, sinh năm 1985 và 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/10/2023 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B; có mặt.

3. **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1993, tại Hải Phòng; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Khu dân cư Đ, thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 (đã chết) và bà Trịnh Thị Q1, sinh năm 1964; gia đình có 02 chị em, bị cáo là thứ hai; có vợ là Trần Thị Kim C, sinh năm 1995 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/10/2023 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B; có mặt.

4. **Nguyễn Quý H2**, sinh năm 1993, tại Hải Phòng; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn N, xã H, huyện V, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quý T2, sinh năm 1966 và bà Phạm Thị C1, sinh năm 1969; gia đình có 02 anh em, bị cáo là thứ hai; có vợ là Phạm Thị X, sinh năm 1995 và 01 con, sinh năm 2016; tiền sự: Không; tiền án: Tại bản án số 01/2021/HSST ngày 14/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương xử phạt 14 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, chấp hành xong hình phạt từ ngày 19/12/2021, hiện đã chấp hành xong toàn bộ quyết định của bản án

Nhân thân: tại bản án số 29/2017/HSST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã chấp hành xong toàn bộ quyết định của bản án

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/12/2023 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B; có mặt.

5. **Vũ Duy V1**, sinh năm 1980, tại Hải Phòng; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn X, xã H, huyện V, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao đồng tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Duy Đ1 và bà Nguyễn Thị R (đều đã chết); gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là thứ ba; có vợ là Phạm Thị N, sinh năm 1983 và 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 25/2017/HSST ngày 17/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng về tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã chấp hành xong toàn bộ quyết định của bản án; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/10/2023 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B; có mặt.

6. **Trần Ngọc S1**, sinh năm 1993, tại Thái Nguyên; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn T, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc S2 (Đã chét) và bà Lương Thúy L2, sinh năm 1968; gia đình có 03 chị em, bị cáo là thứ ba; có vợ là Nguyễn Thị Mai H3, sinh năm 1995 (đã ly hôn) và 01 con, sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án số 104/HSST ngày 28/3/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 3 tháng 10 ngày tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại Khoản 1, Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999. Ra trại ngày 28/3/2013 và đã chấp hành xong toàn bộ quyết định của bản án; bị bắt tạm giam từ ngày 31/10/2023 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B; có mặt.

7. **Bùi Văn K**, sinh năm 1997, tại Nam Định; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn H, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Quốc K1, sinh năm 1967 và bà Hoàng Thị Thúy H4, sinh năm 1975; gia đình có 02 anh em, bị cáo là thứ hai; có vợ là Lò Thị D, sinh năm 1997 và 01 con, sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/10/2023 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B; có mặt.

8. **Phùng Văn T3**, sinh năm 1992, tại Hải Dương; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn T4, sinh năm 1966 và bà Mai Thị H5, sinh năm 1969; gia đình có 02 anh em, bị cáo là thứ nhất; có vợ là Nguyễn Thị Ngọc H6, sinh năm 1997 và 01 con, sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/10/2023 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B; có mặt.

** Bị hại:*

1. Anh Đinh Hải N1, sinh năm 1980; trú tại: khu phố Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (cùng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án); vắng mặt.

2. Chị Trần Thị Thu H7, sinh năm 1988; trú tại: phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (cùng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án); vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Văn L3, sinh năm 1976; trú tại: thôn Đ, xã P, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (cùng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án); vắng mặt.

4. Anh Trần Mạnh H8, sinh năm 1986; trú tại: khu N, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (cùng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án); vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*

1. Chị Nguyễn Thị Q2, sinh năm 1984; trú tại: thôn K, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Đình M, sinh năm 1981; trú tại: thôn H, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh; **có mặt.**

3. Anh Nguyễn Đức T5, sinh năm 1986; trú tại: thôn M, phường. Phượng Mao, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

4. Chị Đỗ Thị T6, sinh năm 1979; trú tại: thôn M, phường P, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

5. Anh Nguyễn Văn K2, sinh năm 1987; trú tại: khu Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

6. Anh Hoàng Văn H9, sinh năm 1991; trú tại: thôn Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

7. Anh Tô Văn H10, sinh năm 1989; trú tại: khu H, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

8. Anh Trần Thọ Q3, sinh năm 1985; trú tại: thôn P, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

9. Chị Nguyễn Hải Y, sinh năm 1985; trú tại: số E N, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

10. Anh Nguyễn Văn L3, sinh năm 1976; trú tại: thôn Đ, xã P, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

11. Chị Nguyễn Thị D1, sinh năm 1980; trú tại: khu B, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

12. Chị Phạm Thị Hồng N2, sinh năm 1988; trú tại: Số I, tổ B Hòa Bình, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng; **có mặt.**

13. Chị Đào Thị H, sinh năm 1986; trú tại: Số B, T, phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng; **có mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Đối với hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

1.1. Hành vi của nhóm Lê Minh T, sinh năm 1982, trú tại số C đường L, phường L, quận L, thành phố Hải Phòng.

Tháng 5/2022, Lê Minh T bỏ ra 200 triệu đồng để cho khách vay tiền lấy lãi, dưới hình thức "bốc bát họ". Để thực hiện việc cho vay lấy tiền lãi của khách vay, T thuê ***Bùi Văn K***, sinh năm 1997, trú tại thôn H, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định và ***Trần Ngọc S1***, sinh năm 1993, trú tại thôn T, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. T thuê K và S1 làm việc cho mình không có hợp đồng lao động, các bên thỏa thuận miệng, theo đó T trả lương cho K và S1 mỗi người 11 triệu đồng/tháng (gồm 10 triệu tiền công và 01 triệu tiền ăn). Khi thuê K và S1 làm việc thì T nói rõ cho cả hai người biết công việc là cho khách vay tiền bằng hình thức "bốc bát họ"; trường hợp khách vay đồng ý vay tiền, sau khi hoàn tất thủ tục vay tiền thì giao tiền phải cắt tiền lãi trước 20% của khoản vay và thu tiền phí đòi nợ bao gồm tiền xăng xe, điện thoại, đi lại…tương ứng với 01 ngày trả tiền gốc. Khách hàng phải trả tiền gốc theo ngày tính trên thời hạn hợp đồng vay tiền (hợp đồng bốc bát họ) và khoản vay tương ứng. Chẳng hạn khách vay bát họ số tiền 10 triệu đồng, thời hạn vay là 50 ngày thì khi giao tiền sẽ cắt trước tiền lãi 02 triệu đồng và phí đòi nợ là 200.000 đồng, còn lại chỉ giao cho khách 7.800.000 đồng. Nhiệm vụ của K và S1 là giao dịch với khách vay; thông báo phương thức vay tiền, trả lãi, trả gốc như nêu trên, hoàn tất thủ tục cho vay tiền; thống báo cho T số tiền khách vay; thông báo số tài khoản của T (số A mở tại ngân hàng V2 và tài khoản số 107006316842 mở tại ngân hàng V2) để khách vay trả tiền gốc theo ngày. T là người trực tiếp quản lý, điều hành, quyết định việc cho khách vay tiền, xuất tiền cho khách vay, quản lý tiền lãi, tiền thu gốc. Trường hợp khách vay nhận và trả tiền gốc vay bằng tiền mặt thì thông qua K và S1 nhận tiền của khách vay rồi báo cáo, hạnh toán với T. T7 hợp khách vay thông qua tài khoản ngân hàng để giao dịch thì trực tiếp qua 02 số tài khoản của T mở tại ngân hàng V2 như nêu trên, K và S1 theo dõi trên sổ sách hoặc điện thoại di động. Các hợp đồng cho vay của T đều có thời hạn vay là 50 ngày. Trường hợp khách vay chậm trả tiền gốc (trong thời hạn 50 ngày nhưng chậm trả theo ngày) hoặc hết hạn hợp đồng vẫn không trả thì K và S1 trực tiếp gọi điện thông báo, yêu cầu khách vay trả tiền đúng hạn. Trường hợp đã yêu cầu, thúc giục khách vay trả tiền nhiều lần nhưng khách vay vẫn chưa trả được thì K và S1 báo cáo cho T biết để cùng bàn bạc cách thức buộc khách vay phải trả tiền. Với hình thức cho vay nêu trên, lãi suất cho vay tính được là 146%/năm, tương đương 4.000đ/triệu/ngày (vượt quá 05 lần mức lãi suất của nhà nước quy định là 20%/năm). Từ tháng 5/2022 đến ngày lực lượng Công an

phát hiện, T, K và S1 đã cho nhiều người vay tiền bằng hình thức "Bốc bát họ", cụ thể:

(1). Anh Đinh Hải N1, sinh năm 1980, trú tại khu phố Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh vay 02 bát họ, cụ thể như sau:

+ *Lần 1:* Ngày 31/5/2023, anh N1 vay 50.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 1.000.000 đồng và tiền lãi là 10.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 1.369.863 đồng, lãi trái quy định là 9.630.137 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **9.630.137 đồng**.

+ *Lần 2:* Ngày 09/07/2023, anh N1 vay 40.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 800.000 đồng và và tiền lãi là 8.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 1.095.890 đồng, lãi trái quy định là 6.904.110 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **7.704.110 đồng**.

Tổng số tiền anh N1 vay 02 bát họ của nhóm T là 90.000.000 đồng, anh N1 phải trả tiền phí trái pháp luật là 1.800.000 đồng, tiền lãi là 18.000.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 2.465.753 đồng, tiền lãi trái quy định là 15.534.247 đồng. Nhóm của T thu lợi bất chính số tiền là **17.334.247 đồng**. Đến nay, anh N1 còn nợ T số tiền **15.200.000 đồng**.

(2). Chị Nguyễn Thị Q2, sinh năm 1984, ở thôn K, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh vay 03 bát họ, cụ thể như sau:

+ *Lần 1:* Ngày 08/6/2023, chị Q2 vay 50.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 1.000.000 đồng và tiền lãi là 10.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 1.369.863 đồng, lãi trái quy định là 8.630.137 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **9.630.137 đồng**.

+ *Lần 2:* Ngày 21/7/2023, chị Q2 vay 50.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 1.000.000 đồng và tiền lãi là 10.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 1.369.863 đồng, lãi trái quy định là 8.630.137 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **9.630.137 đồng**.

+ *Lần 3:* Ngày 14/9/2023, chị Q2 vay 80.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 1.600.000 đồng và tiền lãi là 16.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 2.191.781 đồng, lãi trái quy định là 13.808.219 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **15.408.219 đồng**.

Tổng số tiền chị Q2 vay 03 bát họ của nhóm T là 180.000.000 đồng. chị Q2 phải trả tiền phí trái pháp luật là 3.600.000 đồng; tiền lãi là 36.000.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 4.931.507 đồng, tiền tiền lãi trái quy định là 31.068.493 đồng. Nhóm của T thu lợi bất chính tổng số tiền là **34.668.493 đồng**. Đến nay, chị Q2 còn nợ T số tiền **28.800.000 đồng**.

(3). Anh Nguyễn Đình M, sinh năm 1981, trú tại thôn H, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh vay 20 bát họ, cụ thể như sau:

+ *Lần 1:* Ngày 05/07/2022, anh M vay 20 triệu đồng, T thu trước tiền phí là 400.000 đồng và tiền lãi là 4.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 547.945 đồng, lãi trái quy định là 3.452.055 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **3.852.055 đồng**.

+ *Lần 2:* Ngày 12/07/2022, anh M vay 40 triệu đồng, T thu trước tiền phí là 800.000 đồng và tiền lãi là 8.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 1.095.890 đồng, lãi trái quy định là 6.904.110 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **7.704.110 đồng**.

+ *Lần 3:* Ngày 10/8/2022, anh M vay 20 triệu đồng, T thu trước tiền phí là 400.000 đồng và tiền lãi là 4.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 547.945 đồng, lãi trái quy định là 3.452.055 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **3.852.055 đồng**.

+ *Lần 4:* Ngày 29/8/2022, anh M vay 20 triệu đồng, T thu trước tiền phí là 400.000 đồng và tiền lãi là 4.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 547.945 đồng, lãi trái quy định là 3.452.055 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **3.852.055 đồng**.

+ *Lần 5:* Ngày 05/10/2022, anh M vay 20 triệu đồng, T thu trước tiền phí là 400.000 đồng và tiền lãi là 4.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 547.945 đồng, lãi trái quy định là 3.452.055 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **3.852.055 đồng**.

+ *Lần 6:* Ngày 28/10/2022, anh M vay 20 triệu đồng, T thu trước tiền phí là 400.000 đồng và tiền lãi là 4.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 547.945 đồng, lãi trái quy định là 3.452.055 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **3.852.055 đồng**.

+ *Lần 7:* Ngày 18/11/2022, anh M vay 20 triệu đồng, T thu trước tiền phí là 400.000 đồng và tiền lãi là 4.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 547.945 đồng, lãi trái quy định là 3.452.055 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **3.852.055 đồng**.

+ *Lần 8:* Ngày 13/12/2022, anh M vay 20 triệu đồng, T thu trước tiền phí là 400.000 đồng và tiền lãi là 4.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 547.945 đồng, lãi trái quy định là 3.452.055 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **3.852.055 đồng**.

+ *Lần 9:* Ngày 22/02/2023, anh M vay 30 triệu đồng, T thu trước tiền phí là 600.000 đồng và tiền lãi là 6.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 821.918 đồng, lãi trái quy định là 5.178.092 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **5.778.082 đồng**.

+ *Lần 10:* Ngày 21/3/2023, anh M vay 30 triệu đồng, T thu trước tiền phí là 600.000 đồng và tiền lãi là 6.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 821.918 đồng, lãi trái quy định là 5.178.092 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **5.778.082 đồng**.

+ *Lần 11:* Ngày 11/4/2023, anh M vay 30 triệu đồng, T thu trước tiền phí là 600.000 đồng và tiền lãi là 6.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 821.918 đồng, lãi trái quy định là 5.178.092 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **5.778.082 đồng**.

+ *Lần 12:* Ngày 03/5/2023, anh M vay 30 triệu đồng, T thu trước tiền phí là 600.000 đồng và tiền lãi là 6.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 821.918 đồng, lãi trái quy định là 5.178.092 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **5.778.082 đồng**.

+ *Lần 13:* Ngày 23/5/2023, anh M vay 30 triệu đồng, T thu trước tiền phí là 600.000 đồng và tiền lãi là 6.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 821.918 đồng, lãi trái quy định là 5.178.092 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **5.778.082 đồng**.

+ *Lần 14:* Ngày 14/6/2023, anh M vay 30 triệu đồng, T thu trước tiền phí là 600.000 đồng và tiền lãi là 6.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 821.918 đồng, lãi trái quy định là 5.178.092 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **5.778.082 đồng**.

+ *Lần 15:* Ngày 06/7/2023, anh M vay 30 triệu đồng, T thu trước tiền phí là 600.000 đồng và tiền lãi là 6.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 821.918 đồng, lãi trái quy định là 5.178.092 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **5.778.082 đồng**.

+ *Lần 16:* Ngày 24/7/2023, anh M vay 30 triệu đồng, T thu trước tiền phí là 600.000 đồng và tiền lãi là 6.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 821.918 đồng, lãi trái quy định là 5.178.092 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **5.778.082 đồng**.

+ *Lần 17:* Ngày 12/8/2023, anh M vay 30 triệu đồng, T thu trước tiền phí là 600.000 đồng và tiền lãi là 6.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 821.918 đồng, lãi trái quy định là 5.178.092 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **5.778.082 đồng**.

+ *Lần 18:* Ngày 01/9/2023, anh M vay 30 triệu đồng, T thu trước tiền phí là 600.000 đồng và tiền lãi là 6.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 821.918 đồng, lãi trái quy định là 5.178.092 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **5.778.082 đồng**.

+ *Lần 19:* Ngày 29/9/2023, anh M vay 30 triệu đồng, T thu trước tiền phí là 600.000 đồng và tiền lãi là 6.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 821.918 đồng, lãi trái quy định là 5.178.092 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **5.778.082 đồng**.

+ *Lần 20:* Ngày 16/10/2023, anh M vay 30 triệu đồng, T thu trước tiền phí là 600.000 đồng và tiền lãi là 6.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 821.918 đồng, lãi trái quy định là 5.178.092 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **5.778.082 đồng**.

Tổng số tiền anh M vay 20 bát họ của nhóm T là 540.000.000 tổng, anh M đã trả tiền phí trái pháp luật là 10.800.000 đồng, tiền lãi là 108.000.000 đồng, trong đó: Tiền lãi theo quy định là 14.794.521 đồng, tiền lãi trái quy định là 93.205.479 đồng. Nhóm của T đã thu lợi bất chính là **104.005.479 đồng**. Đến nay, anh M còn nợ T số tiền **24.000.000 đồng.**

(4). Anh Nguyễn Đức T5, sinh năm 1986, trú tại thôn M, phường. Phượng Mao, thị xã. Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh vay 02 bát họ, cụ thể như sau:

+ *Lần 1:* Ngày 18/8/2022, anh T5 vay 10.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 200.000 đồng và tiền lãi là 2.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 273.973 đồng, lãi trái quy định là 1.726.027 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **1.926.027 đồng**.

+ *Lần 2:* Ngày 12/9/2022, anh T5 vay 20.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 400.000 đồng và tiền lãi là 4.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 547.945 đồng, lãi trái quy định là 3.452.055 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **3.852.055 đồng**.

Tổng số tiền anh T5 vay 02 bát họ của nhóm T là 30.000.000 đồng, anh T5 phải trả tiền phí trái pháp luật là 600.000 đồng, tiền lãi là 6.000.000 đồng, trong đó: Tiền lãi theo quy định là 821.918 đồng, tiền lãi trái quy định là 5.178.082 đồng. Nhóm của T đã thu lợi bất chính tổng số tiền là **5.778.082 đồng**. Đến nay, anh T5 đã trả hết nợ cho T.

(5). Chị Đỗ Thị T6, sinh năm 1979, trú tại thôn M, phường P, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh vay 09 bát họ, cụ thể như sau:

+ *Lần 1:* Ngày 25/5/2022, chị T6 vay 15.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 300.000 đồng và tiền lãi là 3.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 410.959 đồng, lãi trái quy định là 2.589.041 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **2.889.041 đồng**.

+ *Lần 2:* Ngày 07/6/2022, chị T6 vay 15.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 300.000 đồng và tiền lãi là 3.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 410.959 đồng, lãi trái quy định là 2.589.041 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **2.889.041 đồng**.

+ *Lần 3:* Ngày 19/7/2022, chị T6 vay 15.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 300.000 đồng và tiền lãi là 3.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 410.959 đồng, lãi trái quy định là 2.589.041 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **2.889.041 đồng**.

+ *Lần 4:* Ngày 18/8/2022, chị T6 vay 15.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 300.000 đồng và tiền lãi là 3.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 410.959 đồng, lãi trái quy định là 2.589.041 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **2.889.041 đồng**.

+ *Lần 5:* Ngày 09/9/2022, chị T6 vay 25.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 500.000 đồng và tiền lãi là 5.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là

684.932 đồng, lãi trái quy định là 4.315.068 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **4.815.068 đồng**.

+ *Lần 6:* Ngày 14/11/2022, chị T6 vay 15.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 300.000 đồng và tiền lãi là 3.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 410.959 đồng, lãi trái quy định là 2.589.041 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **2.889.041 đồng**.

+ *Lần 7:* Ngày 27/11/2022, chị T6 vay 30.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 600.000 đồng và tiền lãi là 6.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 812.918 đồng, lãi trái quy định là 5.178.082 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **5.778.082 đồng**.

- *Lần 8:* Ngày 27/12/2022, chị T6 vay 30.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 600.000 đồng và tiền lãi là 6.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 812.918 đồng, lãi trái quy định là 5.178.082 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **5.778.082 đồng**.

+ *Lần 9:* Ngày 28/01/2023, chị T6 vay 30.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 600.000 đồng và tiền lãi là 6.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 812.918 đồng, lãi trái quy định là 5.178.082 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **5.778.082 đồng**.

+ *Lần 10:* Ngày 28/02/2023, chị T6 vay 25.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 500.000 đồng và tiền lãi là 5.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 684.932 đồng, lãi trái quy định là 4.315.068 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **4.815.068 đồng**.

+ *Lần 11:* Ngày 28/01/2023, chị T6 vay 25.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 500.000 đồng và tiền lãi là 5.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 684.932 đồng, lãi trái quy định là 4.315.068 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **4.815.068 đồng**.

+ *Lần 12:* Ngày 21/7/2023, chị T6 vay 30.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 600.000 đồng và tiền lãi là 6.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 812.918 đồng, lãi trái quy định là 5.178.082 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **5.778.082 đồng**.

+ *Lần 13:* Ngày 23/9/2023, chị T6 vay 30.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 600.000 đồng và tiền lãi là 6.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 812.918 đồng, lãi trái quy định là 5.178.082 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **5.778.082 đồng**.

Tổng số tiền chị T6 vay 13 bát họ của nhóm T là 300.000.000 đồng, chị T6 phải trả tiền phí trái pháp luật là 6.000.000 đồng, tiền lãi là 60.000.000 đồng, trong đó: Tiền lãi theo quy định là 8.219.178 đồng, tiền lãi trái quy định là 51.780.822.808 đồng. Nhóm của T đã thu lợi bất chính tổng số tiền là **57.780.822.808 đồng**. Đến nay, chị T6 còn nợ T số tiền là **16.200.000 đồng**.

(6). Anh Nguyễn Văn K2, sinh năm 1987, trú tại khu Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh vay 14 bát họ, cụ thể như sau:

+ *Lần 1:* Ngày 04/1/2023, anh K2 vay 60.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 1.200.000 đồng và tiền lãi là 12.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 1.643.836 đồng, lãi trái quy định là 10.356.164 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **11.556.164 đồng**.

+ *Lần 2:* Ngày 15/02/2023, anh K2 vay 60.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 1.200.000 đồng và tiền lãi là 12.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 1.643.836 đồng, lãi trái quy định là 10.356.164 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **11.556.164 đồng**.

+ *Lần 3:* Ngày 08/03/2023, anh K2 vay 60.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 1.200.000 đồng và tiền lãi là 12.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 1.643.836 đồng, lãi trái quy định là 10.356.164 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **11.556.164 đồng**.

+ *Lần 4:* Ngày 23/3/2023, anh K2 vay 60.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 1.200.000 đồng và tiền lãi là 12.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 1.643.836 đồng, lãi trái quy định là 10.356.164 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **11.556.164 đồng**.

+ *Lần 5:* Ngày 12/4/2023, anh K2 vay 60.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 1.200.000 đồng và tiền lãi là 12.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 1.643.836 đồng, lãi trái quy định là 10.356.164 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **11.556.164 đồng**.

+ *Lần 6:* Ngày 04/5/2023, anh K2 vay 60.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 1.200.000 đồng và tiền lãi là 12.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 1.643.836 đồng, lãi trái quy định là 10.356.164 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **11.556.164 đồng**.

+ *Lần 7:* Ngày 22/5/2023, anh K2 vay 60.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 1.200.000 đồng và tiền lãi là 12.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 1.643.836 đồng, lãi trái quy định là 10.356.164 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **11.556.164 đồng**.

+ *Lần 8:* Ngày 12/6/2023, anh K2 vay 60.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 1.200.000 đồng và tiền lãi là 12.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 1.643.836 đồng, lãi trái quy định là 10.356.164 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **11.556.164 đồng**.

+ *Lần 9:* Ngày 04/7/2023, anh K2 vay 60.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 1.200.000 đồng và tiền lãi là 12.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 1.643.836 đồng, lãi trái quy định là 10.356.164 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **11.556.164 đồng**.

+ *Lần 10:* Ngày 24/7/2023, anh K2 vay 60.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 1.200.000 đồng và tiền lãi là 12.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định

là 1.643.836 đồng, lãi trái quy định là 10.356.164 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **11.556.164 đồng**.

+ *Lần 11:* Ngày 14/8/2023, anh K2 vay 60.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 1.200.000 đồng và tiền lãi là 12.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 1.643.836 đồng, lãi trái quy định là 10.356.164 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **11.556.164 đồng**.

+ *Lần 12:* Ngày 05/9/2023, anh K2 vay 60.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 1.200.000 đồng và tiền lãi là 12.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 1.643.836 đồng, lãi trái quy định là 10.356.164 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **11.556.164 đồng**.

+ *Lần 13:* Ngày 19/9/2023, anh K2 vay 60.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 1.200.000 đồng và tiền lãi là 12.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 1.643.836 đồng, lãi trái quy định là 10.356.164 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **11.556.164 đồng**.

+ *Lần 14:* Ngày 10/10/2023, anh K2 vay 60.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 1.200.000 đồng và tiền lãi là 12.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 1.643.836 đồng, lãi trái quy định là 10.356.164 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **11.556.164 đồng**.

Tổng số tiền anh K2 vay 14 bát họ của nhóm T là 840.000.000 đồng, anh K2 phải trả tiền phí trái pháp luật là 16.800.000 đồng, tiền lãi là 168.000.000 đồng, trong đó: Tiền lãi theo quy định là 23.013.699 đồng, tiền lãi trái quy định là 144.986.301 đồng. Nhóm của T đã thu lợi bất chính là **161.786.301 đồng**. Đến nay, anh K2 còn nợ T **52.800.000 đồng**.

(7). Anh Hoàng Văn H9, sinh năm 1991, trú tại thôn Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh vay 25 bát họ, cụ thể như sau:

+ *Lần 1:* Ngày 26/9/2022, anh H9 vay 25.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 500.000 đồng và tiền lãi là 5.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 684.932 đồng, lãi trái quy định là 4.315.068 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **4.815.068 đồng**.

+ *Lần 2:* Ngày 27/10/2022, anh H9 vay 25.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 500.000 đồng và tiền lãi là 5.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 684.932 đồng, lãi trái quy định là 4.315.068 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **4.815.068 đồng**.

- *Lần 3:* Ngày 25/11/2022, anh H9 vay 25.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 500.000 đồng và tiền lãi là 5.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 684.932 đồng, lãi trái quy định là 4.315.068 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **4.815.068 đồng**.

+ *Lần 4:* Ngày 19/12/2022, anh H9 vay 25.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 500.000 đồng và tiền lãi là 5.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là

684.932 đồng, lãi trái quy định là 4.315.068 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **4.815.068 đồng**.

+ *Lần 5:* Ngày 21/01/2023, anh H9 vay 25.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 500.000 đồng và tiền lãi là 5.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 684.932 đồng, lãi trái quy định là 4.315.068 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **4.815.068 đồng**.

+ *Lần 6:* Ngày 16/02/2023, anh H9 vay 30.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 600.000 đồng và tiền lãi là 6.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 812.918 đồng, lãi trái quy định là 5.178.082 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **5.778.082 đồng**.

+ *Lần 7:* Ngày 14/3/2023, anh H9 vay 30.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 600.000 đồng và tiền lãi là 6.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 812.918 đồng, lãi trái quy định là 5.178.082 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **5.778.082 đồng**.

+ *Lần 8:* Ngày 06/4/2023, anh H9 vay 30.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 600.000 đồng và tiền lãi là 6.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 812.918 đồng, lãi trái quy định là 5.178.082 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **5.778.082 đồng**.

+ *Lần 9:* Ngày 02/5/2023, anh H9 vay 30.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 600.000 đồng và tiền lãi là 6.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 812.918 đồng, lãi trái quy định là 5.178.082 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **5.778.082 đồng**.

+ *Lần 10:* Ngày 26/5/2023, anh H9 vay 30.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 600.000 đồng và tiền lãi là 6.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 812.918 đồng, lãi trái quy định là 5.178.082 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **5.778.082 đồng**.

+ *Lần 11:* Ngày 27/5/2023, anh H9 vay 15.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 300.000 đồng và tiền lãi là 3.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 410.959 đồng, lãi trái quy định là 2.589.041 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **2.889.041 đồng**.

+ *Lần 12:* Ngày 15/6/2023, anh H9 vay 30.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 600.000 đồng và tiền lãi là 6.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 812.918 đồng, lãi trái quy định là 5.178.082 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **5.778.082 đồng**.

+ *Lần 13:* Ngày 17/6/2023, anh H9 vay 20.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 400.000 đồng và tiền lãi là 4.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 547.945 đồng, lãi trái quy định là 3.452.055 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **3.852.055 đồng**.

+ *Lần 14:* Ngày 05/7/2023, anh H9 vay 30.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 600.000 đồng và tiền lãi là 6.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là

812.918 đồng, lãi trái quy định là 5.178.082 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **5.778.082 đồng**.

+ *Lần 15:* Ngày 08/7/2023, anh H9 vay 20.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 400.000 đồng và tiền lãi là 4.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 547.945 đồng, lãi trái quy định là 3.452.055 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **3.852.055 đồng**.

+ *Lần 16:* Ngày 24/7/2023, anh H9 vay 30.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 600.000 đồng và tiền lãi là 6.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 812.918 đồng, lãi trái quy định là 5.178.082 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **5.778.082 đồng**.

+ *Lần 17:* Ngày 27/7/2023, anh H9 vay 20.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 400.000 đồng và tiền lãi là 4.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 547.945 đồng, lãi trái quy định là 3.452.055 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **3.852.055 đồng**.

+ *Lần 18:* Ngày 11/8/2023, anh H9 vay 30.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 600.000 đồng và tiền lãi là 6.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 812.918 đồng, lãi trái quy định là 5.178.082 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **5.778.082 đồng**.

+ *Lần 19:* Ngày 14/8/2023, anh H9 vay 20.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 400.000 đồng và tiền lãi là 4.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 547.945 đồng, lãi trái quy định là 3.452.055 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **3.852.055 đồng**.

+ *Lần 20:* Ngày 28/8/2023, anh H9 vay 30.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 600.000 đồng và tiền lãi là 6.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 812.918 đồng, lãi trái quy định là 5.178.082 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **5.778.082 đồng**.

+ *Lần 21:* Ngày 01/9/2023, anh H9 vay 20.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 400.000 đồng và tiền lãi là 4.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 547.945 đồng, lãi trái quy định là 3.452.055 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **3.852.055 đồng**.

+ *Lần 22:* Ngày 18/9/2023, anh H9 vay 30.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 600.000 đồng và tiền lãi là 6.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 812.918 đồng, lãi trái quy định là 5.178.082 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **5.778.082 đồng**.

+ *Lần 23:* Ngày 20/9/2023, anh H9 vay 20.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 400.000 đồng và tiền lãi là 4.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 547.945 đồng, lãi trái quy định là 3.452.055 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **3.852.055 đồng**.

+ *Lần 24:* Ngày 05/10/2023, anh H9 vay 30.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 600.000 đồng và tiền lãi là 6.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là

812.918 đồng, lãi trái quy định là 5.178.082 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **5.778.082 đồng**.

+ *Lần 25:* Ngày 10/10/2023, anh H9 vay 20.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 400.000 đồng và tiền lãi là 4.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 547.945 đồng, lãi trái quy định là 3.452.055 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **3.852.055 đồng**.

Tổng số tiền anh H9 vay 25 bát họ của nhóm T là 640.000.000 đồng, anh H9 phải trả tiền phí trái pháp luật là 12.800.000 đồng, tiền lãi là 128.000.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 17.534.247 đồng, tiền lãi trái quy định là 110.465.753 đồng. Nhóm của T thu lợi bất chính tổng số tiền là **123.265.753 đồng**. Đến nay, anh H9 còn nợ T số tiền **17.600.000 đồng**.

(8). Anh Tô Văn H10, sinh năm 1989, trú tại khu H, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh vay 02 bát họ, cụ thể như sau:

+ *Lần 1:* Ngày 08/3/2023, anh H10 vay 50.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 1.000.000 đồng và tiền lãi là 10.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 1.369.863 đồng, lãi trái quy định là 8.630.137 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **9.630.137 đồng**.

+*Lần 2:* Ngày 02/7/2023, anh H10 vay 30.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 600.000 đồng và tiền lãi là 6.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 812.918 đồng, lãi trái quy định là 5.178.082 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **5.778.082 đồng**.

Tổng số tiền anh H10 vay 02 bát họ của nhóm T là 80.000.000 đồng, anh H10 phải trả tiền phí trái pháp luật 1.600.000 đồng, tiền lãi là 16.000.000 đồng, trong đó: Tiền lãi theo quy định là 2.191.781 đồng, tiền lãi trái quy định là 13.808.219 đồng. Nhóm của T đã thu lợi bất chính số tiền là **15.408.219 đồng**. Đến nay, anh H10 còn nợ T số tiền **6.400.000 đồng**.

(9). Anh Trần Thọ Q3, sinh năm 1985 trú tại thôn P, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh vay 13 bát họ, cụ thể như sau:

+ *Lần 1:* Ngày 18/3/2023, anh Q3 vay 50.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 1.000.000 đồng và tiền lãi là 10.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 1.369.863 đồng, lãi trái quy định là 8.630.137 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **9.630.137 đồng**. Khoản cho vay này, T và Nguyễn Văn L mỗi người góp vốn và hưởng lợi 50%.

+ *Lần 2:* Ngày 15/4/2023, anh Q3 vay 50.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 1.000.000 đồng và tiền lãi là 10.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 1.369.863 đồng, lãi trái quy định là 8.630.137 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **9.630.137 đồng**. Khoản cho vay này, T và Nguyễn Văn L mỗi người góp vốn và hưởng lợi 50%.

+ *Lần 3:* Ngày 04/5/2023, anh Q3 vay 50.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 1.000.000 đồng và tiền lãi là 10.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định

là 1.369.863 đồng, lãi trái quy định là 8.630.137 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **9.630.137 đồng**. Khoản cho vay này, T và Nguyễn Văn L mỗi người góp vốn và hưởng lợi 50%.

+ *Lần 4:* Ngày 02/6/2023, anh Q3 vay 50.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 1.000.000 đồng và tiền lãi là 10.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 1.369.863 đồng, lãi trái quy định là 8.630.137 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **9.630.137 đồng**. Khoản cho vay này, T và Nguyễn Văn L mỗi người góp vốn và hưởng lợi 50%.

+ *Lần 5:* Ngày 30/6/2023, anh Q3 vay 50.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 1.000.000 đồng và tiền lãi là 10.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 1.369.863 đồng, lãi trái quy định là 8.630.137 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **9.630.137 đồng**. Khoản cho vay này, T và Nguyễn Văn L mỗi người góp vốn và hưởng lợi 50%.

+ *Lần 6:* Ngày 19/7/2023, anh Q3 vay 50.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 1.000.000 đồng và tiền lãi là 10.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 1.369.863 đồng, lãi trái quy định là 8.630.137 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **9.630.137 đồng**. Khoản cho vay này, T và Nguyễn Văn L mỗi người góp vốn và hưởng lợi 50%.

+ *Lần 7:* Ngày 24/7/2023, anh Q3 vay 50.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 1.000.000 đồng và tiền lãi là 10.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 1.369.863 đồng, lãi trái quy định là 8.630.137 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **9.630.137 đồng**. Khoản cho vay này, T và Nguyễn Văn L mỗi người góp vốn và hưởng lợi 50%.

+ *Lần 8:* Ngày 04/8/2023, anh Q3 vay 50.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 1.000.000 đồng và tiền lãi là 10.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 1.369.863 đồng, lãi trái quy định là 8.630.137 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **9.630.137 đồng**. Khoản cho vay này, T và Nguyễn Văn L mỗi người góp vốn và hưởng lợi 50%.

+ *Lần 9:* ngày 07/8/2023, anh Q3 vay 50.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 1.000.000 đồng và tiền lãi là 10.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 1.369.863 đồng, lãi trái quy định là 8.630.137 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **9.630.137 đồng**. Khoản cho vay này, T và Nguyễn Văn L mỗi người góp vốn và hưởng lợi 50%.

+ *Lần 10:* Ngày 28/8/2023, anh Q3 vay 50.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 1.000.000 đồng và tiền lãi là 10.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 1.369.863 đồng, lãi trái quy định là 8.630.137 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **9.630.137 đồng**. Khoản cho vay này, T và Nguyễn Văn L mỗi người góp vốn và hưởng lợi 50%.

+ *Lần 11:* Ngày 05/9/2023, anh Q3 vay 50.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 1.000.000 đồng và tiền lãi là 10.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 1.369.863 đồng, lãi trái quy định là 8.630.137 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính

là **9.630.137 đồng**. Khoản cho vay này, T và Nguyễn Văn L mỗi người góp vốn và hưởng lợi 50%.

- *Lần 12:* Ngày 11/10/2023, anh Q3 vay 50.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 1.000.000 đồng và tiền lãi là 10.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 1.369.863 đồng, lãi trái quy định là 8.630.137 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **9.630.137 đồng**.

- *Lần 13:* Ngày 13/10/2023, anh Q3 vay 50.000.000 đồng, T thu trước tiền phí là 1.000.000 đồng và tiền lãi là 10.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 1.369.863 đồng, lãi trái quy định là 8.630.137 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **9.630.137 đồng**.

Tổng số tiền anh Q3 vay 13 bát họ của nhóm T là 650.000.000 đồng, anh Q3 phải trả tiền phí trái pháp luật 13.000.000 đồng, tiền lãi là 130.000.000 đồng, trong đó: Tiền lãi theo quy định là 17.808.290 đồng, tiền lãi trái quy định là 112.191.781 đồng. Nhóm của T đã thu lợi bất chính số tiền là **125.090.781 đồng**, trong đó Nguyễn Văn L cùng T góp vốn cho anh Q3 vay 11 bát họ với tổng số tiền là 550.000.000 đồng, thu lợi bất chính 105.931.507 đồng. mỗi người hưởng 50%. Đến nay, anh Q3 còn nợ T số tiền **45.000.000 đồng**.

Như vậy, nhóm của T đã cho các anh, chị Đinh Hải N1, Nguyễn Thị Q2, Nguyễn Đình M, Nguyễn Đức T5, Đỗ Thị T6, Nguyễn Văn K2, Hoàng Văn H9, Tô Văn H10 và Trần Thọ Q3 vay tiền 96 lượt dưới hình thức "bốc bát họ" là: 90.000.000đ + 180.000.000đ + 540.000.000đ + 30.000.000đ + 300.000.000đ + 840.000.000đ + 640.000.000đ + 80.000.000đ+ 650.000.000đ = **3.350.000.000 đồng**. T, K, S1 và L đã thu tiền phí trái quy định là 67.000.000 đồng, tiền lãi là 670.000.000 đồng, trong đó: Tiền lãi theo quy định nhà nước là 91.780.822 đồng, tiền lãi trái quy định nhà nước là 578.219.178 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là **645.219.178 đồng**, trong đó Nguyễn Văn L được hưởng 52.965.754 đồng.

1.2. Hành vi của nhóm Nguyễn Văn L, sinh năm 1982, trú tại thôn N, xã H, huyện V, thành phố Hải Phòng.

Đầu năm 2022, Nguyễn Văn L bỏ ra 600.000.000 đồng để sử dụng cho vay lãi nặng dưới hình thức "Bốc bát họ". Để thực hiện việc cho vay lãi nặng, L thuê ***Mai Văn Đ2***, sinh năm 1992 và ***Phùng Văn T3***, sinh năm 1992, cùng trú tại thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương; ***Nguyễn Nhân T8***, sinh năm 1994, trú tại thôn N, xã H, huyện V, thành phố Hải Phòng và ***Vũ Duy V1***, sinh năm 1980, trú tại xã H, huyện V, thành phố Hải Phòng. Khi thuê Văn T3, Đ2, Nhân T8 và V1 làm việc cho mình thì L không ký hợp đồng lao động mà chỉ thỏa thuận miệng về nhiệm vụ, công việc, tiền lương theo tháng với nhau. Nhiệm vụ và công việc của Đ2, Văn T3, Nhân T8 và V1 như sau: Khi khách đến vay tiền thì xác minh nhà cửa, nơi ở, giấy tờ tùy thân, số điện thoại, số tài khoản, công việc, điều kiện kinh tế, quan hệ gia đình…..của khách hàng (qua video nhận dạng và công việc xác minh như nêu trên của khách hàng). Sau khi đã thực hiện xong công việc xác minh như nêu trên, Đ2, Văn T3, Nhân T8 và V1 thông báo cho L để L quyết định việc cho

vay đối với khách hàng. Khi L quyết định cho khách vay tiền thì Đ2, Văn T3 và Nhân T8 hoàn thiện thủ tục vay tiền bằng hình thức "Bốc bát họ" với thời hạn 50 ngày/bát họ theo quy định của Lạp, cụ thể: Lãi suất 20%, tiền gốc phải trả tính theo ngày trên số tiền vay, chẳng hạn khách vay 20 triệu đồng, thời hạn vay 50 ngày thì cắt trước tiền lãi là 20% và phí thu nợ tương đương một ngày trả gốc là 2%, khách vay chỉ nhận được 15.600.000 đồng. Ngoài ra, L còn yêu cầu khách vay phải nộp trước tiền gốc từ 02 ngày đến 05 ngày. L là người xuất tiền cho khách hàng vay và quản lý đối với số tiền thu nợ gốc. Việc xuất tiền cho vay và thu hồi tiền nợ gốc hàng ngày có thể thông qua tài khoản ngân hàng của L (số A tại ngân hàng V3) hoặc trực tiếp. Việc chuyển tiền vay và thu nợ gốc như nêu trên đều có thể trực tiếp qua Lạp hoặc thông qua Đ2, Văn T3 và Nhân T8. Đối với những khách hàng chuyển tiền trực tiếp cho L thì L thông báo cho Đ2, Văn T3 và Nhân T8 vào sổ theo dõi, quản lý.

Quá trình cho vay tiền, một số khách vay không thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng "Bốc bát họ", chẳng hạn: Chậm trả tiền gốc (đến hạn trả gốc nhưng chưa trả được), hết hạn hợp đồng chưa trả (hết 50 ngày nhưng chưa trả hết tiền) thì L chỉ đạo Đ2, Văn T3, Nhân T8 và V1 gọi điện thoại cho khách yêu cầu trả tiền. Sau khi gọi điện cho khách yêu cầu trả tiền mà khách vẫn chưa trả được thì tiếp tục gọi điện thoại đe dọa, xuống nhà dọa dẫm yêu cầu trả tiền. Sau khi đã thực hiện các biện pháp yêu cầu trả nợ như trên mà khách vay vẫn chưa trả được thì L chỉ đạo Đ2, Văn T3, Nhân T8 và V1 dùng chất bẩn (thường là mắm tôm pha với dầu luyn) đến và đổ vào cửa nhà của khách vay để buộc khách vay phải trả tiền.

Về số tiền 600 triệu đồng dùng để cho vay lãi nặng, theo L khai nhận là của *Nguyễn Thị Thúy H11*, sinh năm 1994, trú tại số I, đường H, tổ A, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng cấp cho L. Việc H11 cấp cho L không được thể hiện, ghi chép lại bằng giấy tờ, sổ sách. Bản thân L cũng khai nhận, lợi nhuận từ việc cho vay lãi nặng đối với số tiền 600 triệu đồng giữa L và H11 chỉ thỏa thuận miệng, không có giấy tờ, sổ sách ghi chép lại, đến nay L không nhớ đã chia lợi nhuận cho H11 bao nhiêu lần, cụ thể ngày tháng và bao nhiêu tiền. Với hình thức cho vay lãi nặng như trên, lãi suất tính được là 146%/năm, tương đương 4.000 đồng/triệu/ngày.

Từ năm 2022 đến khi bị lực lượng Công an phát hiện, bắt giữ Lạp, Văn T3, Nhân T8 và V1 đã cho nhiều khách vay tiền dưới hình thức "Bốc bát họ", cụ thể:

(1). Chị Trần Thị Thu H7, sinh năm 1988, trú tại phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh vay 07 bát họ, cụ thể như sau:

+ *Lần 1:* Ngày 13/3/2023, chị H7 vay 75 triệu đồng, L thu trước tiền phí là 1.500.000 đồng và tiền lãi là 15.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 2.054.795 đồng, lãi trái quy định là 12.945.205 đồng. Số tiền nhóm L thu lợi bất chính là 14.445.205 đồng.

+ *Lần 2:* Ngày 05/4/2023, chị H7 vay 100 triệu đồng, L thu trước tiền phí là 2.000.000 đồng và tiền lãi là 20.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là

2.739.726 đồng, lãi trái quy định là 17.260.274 đồng. Số tiền nhóm L thu lợi bất chính là **19.260.274 đồng**.

+ *Lần 3:* Ngày 24/4/2023, chị H7 vay 100 triệu đồng, L thu trước tiền phí là 2.000.000 đồng và tiền lãi là 20.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 2.739.726 đồng, lãi trái quy định là 17.260.274 đồng. Số tiền nhóm L thu lợi bất chính là **19.260.274 đồng**.

+ *Lần 4:* Ngày 29/5/2023, chị H7 vay 100 triệu đồng, L thu trước tiền phí là 2.000.000 đồng và tiền lãi là 20.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 2.739.726 đồng, lãi trái quy định là 17.260.274 đồng. Số tiền nhóm L thu lợi bất chính là **19.260.274 đồng**.

+ *Lần 5:* Ngày 05/4/2023, chị H7 vay 100 triệu đồng, L thu trước tiền phí là 2.000.000 đồng và tiền lãi là 20.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 2.739.726 đồng, lãi trái quy định là 17.260.274 đồng. Số tiền nhóm L thu lợi bất chính là **19.260.274 đồng**.

+ *Lần 6:* Ngày 14/8/2023, chị H7 vay 100 triệu đồng, L thu trước tiền phí là 2.000.000 đồng và tiền lãi là 20.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 2.739.726 đồng, lãi trái quy định là 17.260.274 đồng. Số tiền nhóm L thu lợi bất chính là **19.260.274 đồng**.

+ *Lần 7:* Ngày 06/10/2023, chị H7 vay 100 triệu đồng, L thu trước tiền phí là 2.000.000 đồng và tiền lãi là 20.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 2.739.726 đồng, lãi trái quy định là 17.260.274 đồng. Số tiền nhóm L thu lợi bất chính là **19.260.274 đồng**.

Tổng số tiền chị H7 vay 07 bát họ của nhóm Lạp là 675.000.000 đồng, chị H7 phải trả phí trái quy định là 13.500.000 đồng, tiền lãi là 135.000.000 đồng, trong đó: Tiền lãi theo quy định là 18.493.151 đồng, tiền lãi trái quy định là 116.506.849 đồng. Nhóm của L đã thu lợi bất chính số tiền là **130.006.849 đồng**. Đến nay, chị H7 còn nợ L số tiền **80.000.000 đồng**.

(2). Chị Nguyễn Thị Minh N3, sinh năm 1978, trú tại khu N, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh vay 04 bát họ, cụ thể như sau:

+ *Lần 1:* Ngày 18/7/2023, chị N3 vay 50.000.000 đồng, L thu trước tiền phí là 1.000.000 đồng và tiền lãi là 10.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 1.369.863 đồng, lãi trái quy định là 8.630.137 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **9.630.137 đồng**.

- *Lần 2:* Ngày 05/8/2023, chị N3 vay 50.000.000 đồng, L thu trước tiền phí là 1.000.000 đồng và tiền lãi là 10.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 1.369.863 đồng, lãi trái quy định là 8.630.137 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **9.630.137 đồng**.

- *Lần 3:* Ngày 25/8/2023, chị N3 vay 50.000.000 đồng, L thu trước tiền phí là 1.000.000 đồng và tiền lãi là 10.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là

1.369.863 đồng, lãi trái quy định là 8.630.137 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **9.630.137 đồng**.

- *Lần 4:* Ngày 14/9/2023, chị N3 vay 50.000.000 đồng, L thu trước tiền phí là 1.000.000 đồng và tiền lãi là 10.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 1.369.863 đồng, lãi trái quy định là 8.630.137 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **9.630.137 đồng**.

+ *Lần 5:* Ngày 30/9/2023, chị N3 vay 50.000.000 đồng, L thu trước tiền phí là 1.000.000 đồng và tiền lãi là 10.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 1.369.863 đồng, lãi trái quy định là 8.630.137 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là **9.630.137 đồng**.

Tổng số tiền chị N3 vay 05 bát họ của nhóm Lạp là 250.000.000 đồng, chị N3 phải trả phí trái pháp luật là 5.000.000 đồng, tiền lãi là 50.000.000 đồng, trong đó: Tiền lãi theo quy định là 6.849.315 đồng, tiền lãi trái quy định là 43.150.685 đồng. Nhóm của L đã thu lợi bất chính số tiền **48.150.685 đồng**. Đến nay, chị N3 còn nợ L số tiền **33.000.000 đồng.**

(3). Chị Nguyễn Hải Y, sinh năm 1985, trú tại số E N, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh vay 23 bát họ, cụ thể như sau:

+ *Lần 1:* Ngày 25/9/2022, chị Y vay 100 triệu đồng, L thu trước tiền phí là 2.000.000 đồng và tiền lãi là 20.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 2.739.726 đồng, lãi trái quy định là 17.260.274 đồng. Số tiền nhóm L thu lợi bất chính là **19.260.274 đồng**.

+ *Lần 2:* Ngày 13/10/2022, chị Y vay 100 triệu đồng, L thu trước tiền phí là 2.000.000 đồng và tiền lãi là 20.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 2.739.726 đồng, lãi trái quy định là 17.260.274 đồng. Số tiền nhóm L thu lợi bất chính là **19.260.274 đồng**.

+ *Lần 3:* Ngày 10/11/2022, chị Y vay 100 triệu đồng, L thu trước tiền phí là 2.000.000 đồng và tiền lãi là 20.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 2.739.726 đồng, lãi trái quy định là 17.260.274 đồng. Số tiền nhóm L thu lợi bất chính là **19.260.274 đồng**.

+ *Lần 4:* Ngày 10/12/2022, chị Y vay 100 triệu đồng, L thu trước tiền phí là 2.000.000 đồng và tiền lãi là 20.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 2.739.726 đồng, lãi trái quy định là 17.260.274 đồng. Số tiền nhóm L thu lợi bất chính là **19.260.274 đồng**.

+ *Lần 5:* Ngày 29/12/2022, chị Y vay 100 triệu đồng, L thu trước tiền phí là 2.000.000 đồng và tiền lãi là 20.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 2.739.726 đồng, lãi trái quy định là 17.260.274 đồng. Số tiền nhóm L thu lợi bất chính là **19.260.274 đồng**.

+ *Lần 6:* Ngày 20/01/2023, chị Y vay 100 triệu đồng, L thu trước tiền phí là 2.000.000 đồng và tiền lãi là 20.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là

2.739.726 đồng, lãi trái quy định là 17.260.274 đồng. Số tiền nhóm L thu lợi bất chính là **19.260.274 đồng**.

+ *Lần 7:* Ngày 06/02/2023, chị Y vay 100 triệu đồng, L thu trước tiền phí là 2.000.000 đồng và tiền lãi là 20.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 2.739.726 đồng, lãi trái quy định là 17.260.274 đồng. Số tiền nhóm L thu lợi bất chính là **19.260.274 đồng**.

+ *Lần 8:* Ngày 22/02/2023, chị Y vay 100 triệu đồng, L thu trước tiền phí là 2.000.000 đồng và tiền lãi là 20.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 2.739.726 đồng, lãi trái quy định là 17.260.274 đồng. Số tiền nhóm L thu lợi bất chính là **19.260.274 đồng**.

+ *Lần 9:* Ngày 10/03/2023, chị Y vay 100 triệu đồng, L thu trước tiền phí là 2.000.000 đồng và tiền lãi là 20.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 2.739.726 đồng, lãi trái quy định là 17.260.274 đồng. Số tiền nhóm L thu lợi bất chính là **19.260.274 đồng**.

+ *Lần 10:* Ngày 28/03/2023, chị Y vay 100 triệu đồng, L thu trước tiền phí là 2.000.000 đồng và tiền lãi là 20.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 2.739.726 đồng, lãi trái quy định là 17.260.274 đồng. Số tiền nhóm L thu lợi bất chính là **19.260.274 đồng**.

+ *Lần 11:* Ngày 13/4/2023, chị Y vay 100 triệu đồng, L thu trước tiền phí là 2.000.000 đồng và tiền lãi là 20.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 2.739.726 đồng, lãi trái quy định là 17.260.274 đồng. Số tiền nhóm L thu lợi bất chính là **19.260.274 đồng**.

+ *Lần 12:* Ngày 28/4/2023, chị Y vay 100 triệu đồng, L thu trước tiền phí là 2.000.000 đồng và tiền lãi là 20.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 2.739.726 đồng, lãi trái quy định là 17.260.274 đồng. Số tiền nhóm L thu lợi bất chính là **19.260.274 đồng**.

+ *Lần 13:* Ngày 14/5/2023, chị Y vay 100 triệu đồng, L thu trước tiền phí là 2.000.000 đồng và tiền lãi là 20.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 2.739.726 đồng, lãi trái quy định là 17.260.274 đồng. Số tiền nhóm L thu lợi bất chính là **19.260.274 đồng**.

+ *Lần 14:* Ngày 29/5/2023, chị Y vay 100 triệu đồng, L thu trước tiền phí là 2.000.000 đồng và tiền lãi là 20.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 2.739.726 đồng, lãi trái quy định là 17.260.274 đồng. Số tiền nhóm L thu lợi bất chính là **19.260.274 đồng**.

+ *Lần 15:* Ngày 13/6/2023, chị Y vay 100 triệu đồng, L thu trước tiền phí là 2.000.000 đồng và tiền lãi là 20.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 2.739.726 đồng, lãi trái quy định là 17.260.274 đồng. Số tiền nhóm L thu lợi bất chính là **19.260.274 đồng**.

+ *Lần 16:* Ngày 27/6/2023, chị Y vay 100 triệu đồng, L thu trước tiền phí là 2.000.000 đồng và tiền lãi là 20.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là

2.739.726 đồng, lãi trái quy định là 17.260.274 đồng. Số tiền nhóm L thu lợi bất chính là **19.260.274 đồng**.

+ *Lần 17:* Ngày 13/7/2023, chị Y vay 100 triệu đồng, L thu trước tiền phí là 2.000.000 đồng và tiền lãi là 20.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 2.739.726 đồng, lãi trái quy định là 17.260.274 đồng. Số tiền nhóm L thu lợi bất chính là **19.260.274 đồng**.

+ *Lần 18:* Ngày 28/7/2023, chị Y vay 100 triệu đồng, L thu trước tiền phí là 2.000.000 đồng và tiền lãi là 20.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 2.739.726 đồng, lãi trái quy định là 17.260.274 đồng. Số tiền nhóm L thu lợi bất chính là **19.260.274 đồng**.

+ *Lần 19:* Ngày 11/8/2023, chị Y vay 100 triệu đồng, L thu trước tiền phí là 2.000.000 đồng và tiền lãi là 20.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 2.739.726 đồng, lãi trái quy định là 17.260.274 đồng. Số tiền nhóm L thu lợi bất chính là **19.260.274 đồng**.

+ *Lần 20:* Ngày 30/8/2023, chị Y vay 30.000.000 đồng, L thu trước tiền phí là 600.000 đồng và tiền lãi là 6.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 812.918 đồng, lãi trái quy định là 5.178.082 đồng. Số tiền L thu lợi bất chính là **5.778.082 đồng**.

+ *Lần 21:* Ngày 01/9/2023, chị Y vay 60.000.000 đồng, L thu trước tiền phí là 1.200.000 đồng và tiền lãi là 12.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 1.643.836 đồng, lãi trái quy định là 10.356.164 đồng. Số tiền L thu lợi bất chính là **11.556.164 đồng**.

+ *Lần 22:* Ngày 08/9/2023, chị Y vay 100 triệu đồng, L thu trước tiền phí là 2.000.000 đồng và tiền lãi là 20.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 2.739.726 đồng, lãi trái quy định là 17.260.274 đồng. Số tiền nhóm L thu lợi bất chính là **19.260.274 đồng**.

+ *Lần 23:* Ngày 01/10/2023, chị Y vay 01 bát họ 150 triệu đồng, L thu trước tiền phí là 3.000.000 đồng và tiền lãi là 30.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 4.109.589 đồng, lãi trái quy định là 25.890.411 đồng. Số tiền nhóm L thu lợi bất chính là **28.890.411 đồng**.

Tổng số tiền chị Y vay 25 bát họ của nhóm Lạp là 2.240.000.000 đồng, chị Y phải trả tiền phí trái quy định là 44.800.000 đồng, tiền lãi là 448.000.000 đồng, trong đó: Tiền lãi theo quy định là 61.369.863 đồng, tiền lãi trái quy định là 386.630.137 đồng. Nhóm của L đã thu lợi bất chính số tiền là **431.430.137 đồng**. Đến nay, chị Y còn nợ L số tiền **102.000.000 đồng**.

(4). Anh Nguyễn Văn L3, sinh năm 1976, trú tại thôn Đ, xã P, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Ngày 04/8/2023, anh L3 vay 30 triệu đồng, L thu trước tiền phí là 600.000 đồng và tiền lãi là 6.000.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 821.918 đồng,

tiền lãi trái quy định là 5.178.082 đồng. Nhóm của L đã thu lợi bất chính số tiền là **5.778.082 đồng**. Đến nay, anh L3 còn nợ L số tiền **3.000.000 đồng**.

Như vậy, tổng số tiền nhóm của L cho các chị Trần Thị Thu H7, Nguyễn Thị Minh N3, Nguyễn Hải Y và anh Nguyễn Văn L3 vay tiền dưới hình thức "bốc bát họ" 36 lượt là: + 675.000.000đ + 250.000.000đ + 2.240.000.000đ + 30.000.000đ = **3.195.000.000 đồng,** thu tiền phí trái quy định là 63.900.000 đồng và tiền lãi là 639.000.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 87.534.247 đồng, tiền lãi trái quy định là 551.465.753 đồng. Tổng số tiền nhóm của L thu lợi bất chính là **615.365.753 đồng**.

1.3. Hành vi của nhóm Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1993, trú tại khu dân cư Đ, thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng.

Tháng 3/2023, Nguyễn Văn Đ đến Bắc Ninh làm thuê cho Phạm Văn H12 (tên thường gọi là Q4) thực hiện việc cho vay lãi nặng. Đ có nhiệm vụ cùng H12 xác minh điều kiện khách vay, sử dụng tài khoản ngân hàng của mình để chuyển tiền cho khách vay, nhận tiền khách trả. Hàng ngày, H12 tổng hợp tiền khách vay, trả và chuyển vào tài khoản ngân hàng cho H12 quản lý. Huấn có nhiệm vụ quản lý toàn bộ hoạt động cho vay, thẩm định khách vay, quyết định cho khách vay tiền; nhắn tin, gọi điện cho khách vay đòi nhắc nợ; tổng hợp số tiền lãi thu được. Cuối tháng 5/2023, H12 nghỉ việc nên Đ trực tiếp thực hiện việc cho vay, trực tiếp kiểm tra điều kiện khách vay, chuyển tiền cho khách vay, nhận tiền khách vay trả, tổng hợp tiền lãi cho khách vay, nhắn tin, gọi điện đòi nhắc nợ khách vay….Đến tháng 8/2023, ***Nguyễn Quý H2***, sinh năm 1993 ở thôn N, xã H, huyện V, thành phố Hải Phòng đến làm việc cho vay nặng lãi cùng với Đ. H2 có nhiệm vụ đến nhà khách vay thẩm định khoản vay, gọi điện, nhắn tin nhắc nợ, đòi tiền, … Đ quyết định việc cho vay đối với khách hàng. Khi Đ quyết định cho khách vay tiền thì H2 hoàn thiện thủ tục vay tiền bằng hình thức "Bốc bát họ" với thời hạn 50 ngày/bát họ theo quy định của Lạp, cụ thể: Lãi suất 20%, tiền gốc phải trả tính theo ngày trên số tiền vay, chẳng hạn khách vay 10 triệu đồng, thời hạn vay 50 ngày thì cắt trước tiền lãi là 20% và phí thu nợ (xăng xe, điện thoại, đi lại…) tương đương một ngày trả gốc là 2%, khách vay chỉ nhận được 7.800.000 đồng. Ngoài ra, Đ còn yêu cầu khách vay phải nộp trước tiền gốc từ 02 ngày đến 05 ngày. Đ là người xuất tiền cho khách hàng vay và quản lý đối với số tiền thu nợ gốc. Việc xuất tiền cho vay và thu hồi tiền nợ gốc hàng ngày có thể thông qua tài khoản ngân hàng của Đ (số C tại ngân hàng V4) hoặc trực tiếp. Việc chuyển tiền vay và thu nợ gốc như nêu trên đều có thể trực tiếp qua Đ hoặc thông qua H2. Đối với những khách hàng chuyển tiền trực tiếp cho Đ thì Đ thông báo cho H2 vào sổ theo dõi, quản lý.

Quá trình cho vay tiền, một số khách vay không thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng "Bốc bát họ", chẳng hạn: Chậm trả tiền gốc (đến hạn trả gốc nhưng chưa trả được), hết hạn động đồng chưa trả (hết 50 ngày nhưng chưa trả hết tiền) thì Đ và H2 gọi điện thoại cho khách yêu cầu trả tiền. Sau khi gọi điện cho khách yêu cầu trả tiền mà khách vẫn chưa trả được thì tiếp tục gọi điện thoại đe dọa,

xuống nhà dọa dẫm yêu cầu trả tiền. Sau khi đã thực hiện các biện pháp yêu cầu trả nợ như trên mà khách vay vẫn chưa trả được thì Đ và H2 dùng chất bẩn (thường là mắm tôm pha với dầu luyn) đến và đổ vào cửa nhà của khách vay để buộc khách vay phải trả tiền.

Về số tiền 200 triệu đồng dùng để cho vay lãi nặng, theo Đ khai nhận là của *Nguyễn Thị Thúy H11*, sinh năm 1994, trú tại số I, đường H, tổ A, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng giao cho Đ quản lý để cho vay lãi nặng. Việc H11 giao tiền cho Đ không được thể hiện, ghi chép lại bằng giấy tờ, sổ sách, đến nay Đ cũng không nhớ đã chia lợi nhuận cho H11 bao nhiêu lần, cụ thể ngày tháng nào, bao nhiêu tiền. Ngoài ra, H2 và Đ đều khai nhận được H11 thuê làm việc cho vay lãi nặng, mỗi tháng H11 trả công 10 triệu đồng. Tuy nhiên, việc H11 thuê H2 và Đ không có hợp đồng lao động và giấy tờ chứng minh.

Với hình thức cho vay lãi nặng như trên, lãi suất tính được là 146%/năm, tương đương 4.000 đồng/triệu/ngày (vượt quá 5 lần mức lãi suất nhà nước quy định là 20%/năm). Từ tháng 3/2023 đến khi bị lực lượng Công an phát hiện, bắt giữ Đ và H2 đã cho nhiều khách vay tiền dưới hình thức "Bốc bát họ", cụ thể:

(1). Chị Nguyễn Hải Y, sinh năm 1985, trú tại số E N, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh vay 07 bát họ, cụ thể như sau:

+ *Lần 1:* Ngày 23/6/2023, chị Y vay 30.000.000 đồng, Đ thu trước tiền phí là 600.000 đồng và tiền lãi là 6.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 812.918 đồng, lãi trái quy định là 5.178.082 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính là **5.778.082 đồng**.

+ *Lần 2:* Ngày 06/07/2023, chị Y vay 30.000.000 đồng, Đ thu trước tiền phí là 600.000 đồng và tiền lãi là 6.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 812.918 đồng, lãi trái quy định là 5.178.082 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính là **5.778.082 đồng**.

+ *Lần 3:* Ngày 13/07/2023, chị Y vay 50.000.000 đồng, Đ thu trước tiền phí là 1.000.000 đồng và tiền lãi là 10.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 1.369.863 đồng, lãi trái quy định là 8.630.137 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính là **9.630.137 đồng**.

+ *Lần 4:* Ngày 18/08/2023, chị Y vay 50.000.000 đồng, Đ thu trước tiền phí là 1.000.000 đồng và tiền lãi là 10.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 1.369.863 đồng, lãi trái quy định là 8.630.137 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính là **9.630.137 đồng**.

+ *Lần 5:* Ngày 06/9/2023, chị Y vay 75.000.000 đồng, Đ thu trước tiền phí là 1.500.000 đồng và tiền lãi là 15.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 2.054.795 đồng, lãi trái quy định là 12.945..205 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính là **14.445.205 đồng**.

+ *Lần 6:* Ngày 22/9/2023, chị Y vay 75.000.000 đồng, Đ thu trước tiền phí là 1.500.000 đồng và tiền lãi là 15.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là

2.054.795 đồng, lãi trái quy định là 12.945..205 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính là **14.445.205 đồng**.

+ *Lần 7:* Ngày 22/9/2023, chị Y vay 75.000.000 đồng, Đ thu trước tiền phí là 1.500.000 đồng và tiền lãi là 15.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 2.054.795 đồng, lãi trái quy định là 12.945..205 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính là **14.445.205 đồng**.

Tổng số tiền chị Y vay 07 bát họ của nhóm Đ là 385.000.000 đồng, chị Y phải trả tiến phí trái pháp luật là 7.700.000 đồng, tiền lãi là 77.000.000 đồng, trong đó: Tiền lãi theo quy định là 10.547.945 đồng, tiền lãi trái quy định là 74.152.055 đồng. Nhóm của Đ thu lợi bất chính số tiền **74.152.055 đồng**. Đến nay, chị Y còn nợ Đ số tiền là **61.500.000 đồng**.

(2). Chị Trần Thị Thu H7, sinh năm 1988, trú tại phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh vay 05 bát họ, cụ thể như sau:

+ *Lần 1:* Ngày 08/4/2023, chị H7 vay 50.000.000 đồng, Đ thu trước tiền phí là 1.000.000 đồng và tiền lãi là 10.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 1.369.863 đồng, lãi trái quy định là 8.630.137 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính là **9.630.137 đồng**.

+ *Lần 2:* Ngày 30/5/2023, chị H7 vay 50.000.000 đồng, Đ thu trước tiền phí là 1.000.000 đồng và tiền lãi là 10.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 1.369.863 đồng, lãi trái quy định là 8.630.137 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính là **9.630.137 đồng**.

+ *Lần 3:* Ngày 18/7/2023, chị H7 vay 50.000.000 đồng, Đ thu trước tiền phí là 1.000.000 đồng và tiền lãi là 10.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 1.369.863 đồng, lãi trái quy định là 8.630.137 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính là **9.630.137 đồng**.

+ *Lần 4:* Ngày 20/8/2023, chị H7 vay 50.000.000 đồng, Đ thu trước tiền phí là 1.000.000 đồng và tiền lãi là 10.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 1.369.863 đồng, lãi trái quy định là 8.630.137 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính là **9.630.137 đồng**.

+ *Lần 5:* Ngày 10/10/2023, chị H7 vay 50.000.000 đồng, Đ thu trước tiền phí là 1.000.000 đồng và tiền lãi là 10.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 1.369.863 đồng, lãi trái quy định là 8.630.137 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính là **9.630.137 đồng**.

Tổng số tiền 05 bát họ chị H7 vay của nhóm Đ là 250.000.000 đồng, Đ thu tiền phí trái pháp luật là 5.000.000 đồng và tiền lãi là 50.000.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 6.849.315 đồng, tiền lãi trái quy định là 43.150.685 đồng. Nhóm Đ thu lợi bất chính số tiền là **48.150.685 đồng**. Đến nay, chị H7 còn nợ Đ số tiền **44.000.000 đồng**.

(3). Chị Nguyễn Thị D1, sinh năm 1980, trú tại khu B, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh vay 04 bát họ, cụ thể như sau:

+ *Lần 1:* Ngày 21/5/2023, chị D1 vay 100 triệu đồng, Đ thu trước tiền phí là 2.000.000 đồng và tiền lãi là 20.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 2.739.726 đồng, lãi trái quy định là 17.260.274 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính là **19.260.274 đồng**.

+ *Lần 2:* Ngày 26/6/2023, chị D1 vay 100 triệu đồng, Đ thu trước tiền phí là 2.000.000 đồng và tiền lãi là 20.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 2.739.726 đồng, lãi trái quy định là 17.260.274 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính là **19.260.274 đồng**.

+ *Lần 3:* Ngày 19/8/2023, chị D1 vay 100 triệu đồng, Đ thu trước tiền phí là 2.000.000 đồng và tiền lãi là 20.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 2.739.726 đồng, lãi trái quy định là 17.260.274 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính là **19.260.274 đồng**. Khoản cho vay này, Đ và L mỗi người góp 50% số tiền cho vay và hưởng lợi 50%.

+ *Lần 4:* Ngày 28/9/2023, chị D1 vay 100 triệu đồng, Đ thu trước tiền phí là 2.000.000 đồng và tiền lãi là 20.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 2.739.726 đồng, lãi trái quy định là 17.260.274 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính là **19.260.274 đồng**. Khoản cho vay này, Đ và L mỗi người góp 50% số tiền cho vay và hưởng lợi 50%.

Tổng số tiền chị D1 vay 04 bát họ của nhóm Đ là 400.000.000 đồng (trong đó có 02 khoản vay ngày 19/8/2023 và 28/9/2023, Đ và Nguyễn Văn L chung vốn, lợi nhuận chia 50/50), Đ thu tiền phí trái pháp luật là 8.000.000 đồng và tiền lãi là 80.000.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 10.958.904 đồng, tiền lãi trái quy định là 69.041.096 đồng. Nhóm của Đ (gồm cả L) thu lợi bất chính số tiền là **77.041.096 đồng**. Đến nay, chị D1 còn nợ Đ số tiền **64.000.000 đồng**.

(4). Chị Nguyễn Thị Minh N3, sinh năm 1978, trú tại khu N, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh vay 08 bát họ, cụ thể như sau:

+ *Lần 1:* tháng 17/4/2023, chị N3 vay 25.000.000 đồng, Đ thu trước tiền phí là 500.000 đồng và tiền lãi là 5.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 684.932 đồng, lãi trái quy định là 4.315.068 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính là **4.815.068 đồng**.

+ *Lần 2:* Ngày 08/5/2023, chị N3 vay 25.000.000 đồng, Đ thu trước tiền phí là 500.000 đồng và tiền lãi là 5.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 684.932 đồng, lãi trái quy định là 4.315.068 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính là **4.815.068 đồng**.

+ *Lần 3:* Ngày 06/6/2023, chị N3 vay 25.000.000 đồng, Đ thu trước tiền phí là 500.000 đồng và tiền lãi là 5.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 684.932 đồng, lãi trái quy định là 4.315.068 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính là **4.815.068 đồng**.

+ *Lần 4:* Ngày 28/6/2023, chị N3 vay 25.000.000 đồng, Đ thu trước tiền phí là 500.000 đồng và tiền lãi là 5.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là

684.932 đồng, lãi trái quy định là 4.315.068 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính là **4.815.068 đồng**.

+ *Lần 5:* Ngày 05/8/2023, chị N3 vay 25.000.000 đồng, Đ thu trước tiền phí là 500.000 đồng và tiền lãi là 5.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 684.932 đồng, lãi trái quy định là 4.315.068 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính là **4.815.068 đồng**.

+ *Lần 6:* Ngày 27/8/2023, chị N3 vay 25.000.000 đồng, Đ thu trước tiền phí là 500.000 đồng và tiền lãi là 5.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 684.932 đồng, lãi trái quy định là 4.315.068 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính là **4.815.068 đồng**.

+ *Lần 7:* Ngày 16/9/2023, chị N3 vay 25.000.000 đồng, Đ thu trước tiền phí là 500.000 đồng và tiền lãi là 5.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 684.932 đồng, lãi trái quy định là 4.315.068 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính là **4.815.068 đồng**.

+ *Lần 8:* Ngày 02/10/2023, chị N3 vay 25.000.000 đồng, Đ thu trước tiền phí là 500.000 đồng và tiền lãi là 5.000.000 đồng, trong đó lãi theo quy định là 684.932 đồng, lãi trái quy định là 4.315.068 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính là **4.815.068 đồng**.

Tổng số tiền chị N3 vay 08 bát họ của nhóm Đ là 200.000.000 đồng, Đ thu tiền phí trái quy định là 4.000.000 đồng và tiền lãi là 40.000.000 đồng, trong đó: Tiền lãi theo quy định là 5.479.452 đồng, tiền lãi trái quy định là 34.520.548 đồng. Nhóm của Đ thu lợi bất chính số tiền là **38.520.548 đồng**. Đến nay, chị N3 còn nợ Đ số tiền **10.000.000 đồng**.

(5). Anh Trần Mạnh H8, sinh năm 1986, trú tại khu N, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Khoảng tháng 9/2023, anh H8 vay 20 triệu đồng, Đ thu trước tiền phí trái pháp luật là 400.000 đồng và tiền lãi là 4.000.000 đồng, trong đó: Tiền lãi theo quy định là 547.945 đồng, tiền lãi trái quy định là 3.452.055 đồng. Số tiền nhóm Đ thu lợi bất chính là **3.852.055 đồng**. Đến nay, anh H8 còn nợ Đ số tiền **10.800.000 đồng**.

Như vậy, tổng số tiền nhóm của Đ đã cho các anh, chị Nguyễn Hải Y, Trần Thị Thu H7, Nguyễn Thị D1, Nguyễn Thị Minh N3, Trần Mạnh H8 vay tiền 25 lượt dưới hình thức "bốc bát họ" là: 385.000.000đ + 250.000.000đ + 400.000.000đ + 200.000.000đ + 20.000.000đ = **1.255.000.000 đồng**, thu tiền phí trái quy định là 25.100.000 đồng và tiền lãi là 251.000.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 34.383.562 đồng, tiền lãi trái quy định là 216.616.438 đồng. Tổng số tiền nhóm của Đ thu lợi bất chính là **241.716.438 đồng**. Trong đó, H2 cùng Đ cho vay từ tháng 8/2023 với tổng số tiền cho vay là 695.000.000 đồng gồm chị Nguyễn Hải Y vay 275 triệu đồng; chị Trần Thị thu H13 vay 100 triệu đồng; chị Nguyễn Thị D1 vay 200 triệu đồng; chị Nguyễn Thị Minh N3 vay 100 triệu đồng; anh Trần Mạnh H8 vay 20 triệu đồng, thu lợi bất chính số tiền **133.858.904 đồng.**

Nguyễn Văn L cùng Đ góp vốn cho chị D1 vay 02 lượt với tổng số tiền là 200.000.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền **38.520.548 đồng**.

2. Đối với hành vi "Cưỡng đoạt tài sản".

2.1. Hành vi của nhóm Lê Minh T: Ngày 09/7/2023, anh Đinh Hải N1, sinh năm 1980, trú tại khu chợ Đ4, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh có vay 40 triệu đồng (bốc bát họ) của nhóm Lê Minh T. Sau khi vay tiền, anh N1 chỉ đóng cho nhóm của T số tiền là 24.800.000 đồng, còn lại số tiền 15.200.000 đồng anh N1 không trả đúng hẹn. T, K và S1 nhiều lần gọi điện thoại yêu cầu anh N1 phải trả tiền nhưng anh N1 chưa có tiền để trả nên né tránh. Chiều ngày 04/9/2023, T đưa cho S1 100.000 đồng, bảo S1 đi mua mắm tôm và dầu luyn về pha trộn với nhau (chất bẩn), mục đích để ném vào nhà anh N1, gây áp lực với anh N1 và gia đình, buộc anh N1 phải trả số tiền chậm thanh toán là **15.200.000 đồng**. Đêm cùng ngày, S1 và K đi xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave @ của T (hiện đã bán, không nhớ BKS) đến ném chất bẩn vào nhà anh N1. Sau khi ném xong, S1 và K báo cáo lại cho T biết. Anh N1 lo sợ, bỏ đi trốn tránh nhưng vì chưa có tiền nên đến nay vẫn chưa trả tiền cho nhóm của T.

2.2. Hành vi của nhóm Nguyễn Văn L:

+ *Lần 1:* Ngày 29/5/2023, chị Trần Thị Thu H7, sinh năm 1988, trú tại phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh vay số tiền 100.000.000 đồng, đến ngày 14/6/2023 chị H7 trả cho L được 70 triệu đồng, còn nợ 30 triệu đồng thì không có tiền trả và nhắn tin Z cho L báo khó khăn, chưa trả được và xin khất nợ nhưng L không đồng ý. Lạp nhiều lần gọi điện dùng lời lẽ mắng chửi, đe dọa, dọa đốt giấy tờ cá nhân và giấy khai sinh của con chị H7 nhưng chị H7 vẫn không có tiền trả. Sau đó, L bảo Phùng Văn T3 là *"con H7 vỡ rồi"*. Giữa tháng 6/2023, khi L đang ở nhà tại Hải Phòng thì Phạm Văn H12 gọi điện hỏi *"anh ơi con H7 có đóng tiền cho anh không, mấy hôm nay nó không đóng cho nhà em"*, L bảo với H12 "nó cũng không đóng cho anh". Sau đó, Phùng Văn T3 và Phạm Văn H12 đã sử dụng chất bẩn ném vào nhà chị H7 để đe dọa, gây áp lực cho chị H7 phải trả số tiền hơn 3**0.000.000 đồng.** Đối với số tiền này, sau khi bị L, H12 và T3 ném chất bẩn vào nhà đe dọa, chị H7 sợ đã thanh toán hết cho L.

+ *Lần 2:* Ngày 04/8/2023, anh Nguyễn Văn L3, sinh năm 1976, trú tại khu Đ, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh vay của Lạp 30 triệu đồng dưới hình thức bốc bát họ, sau khi trừ tiền cọc, tiền phí, tiền đóng trước trong 5 ngày thì anh L3 nhận được 18.600.000 đồng, sau đó anh L3 trả được cho nhóm của L số tiền là 21.200.000 đồng, còn nợ số tiền **8.800.000 đồng** thì không còn tiền để trả cho L. Nhóm của L nhiều lần gọi điện, chửi, đe doạ, yêu cầu anh L3 trả tiền nhưng anh L3 vẫn không có tiền trả. L bảo Phùng Văn T3 và V1 đi đòi tiền anh L3, thì T3 và V1 bảo nhà anh L3 ngõ sâu, đường bé khó xử lý (ý là khó ném chất bẩn). Sau đó, Nguyễn Nhân T8 từ Hải Phòng lên và cùng Phùng Văn T3, Đ2 và V1 đi đến và sử dụng chất bẩn ném vào nhà anh L3 để gây áp lực, buộc anh L3 phải trả tiền cho nhóm của L. Sau khi ném chất bẩn, Nhân T8 báo cáo lại cho L là đã ném

chất bẩn vào nhà anh L3. Anh L3 sợ nhóm của L tiếp tục ném chất bẩn nên đã trả cho L số tiền là 4.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền là 4.800.000 đồng.

- Hành vi cưỡng đoạt tài sản của Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Quý H2:

+ Lần 1: Khoảng giữa tháng 6/2023, chị Trần Thị Thu H7, sinh năm 1988, trú tại phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh vay tiền 50 triệu đồng (bốc bát họ) của nhóm Đ nhưng còn lại số tiền 20.000.000 đồng chị H7 không trả nhóm Đ đúng hạn. Phạm Văn H12 trao đổi với Đ về việc H12 và anh Phùng Văn T3 đến ném chất bẩn vào nhà chị H7 để đe dọa buộc chị H7 phải trả số tiền 20 triệu đồng chậm thanh toán. Buổi chiều một ngày giữa tháng 6/2023, T3 và H12 mua 04 chai mắm tôm loại 500ml và 5 lít dầu luyn (H12 bỏ tiền ra mua và sẽ tính vào chi phí của nhóm Đ và H12). Sau đó, Đ, H12 và T3 cùng pha lẫn mắm tôm và dầu luyn với nhau rồi chia vào 03 túi nilon màu trắng. Đến khoảng 2-3h sáng ngày hôm sau, H12 và T3 đi xe mô tô (hiện không nhớ BKS và xe của ai) cầm theo các túi nilon chứa bẩn ném vào nhà chị H7. Sau khi bị ném chất bẩn vào nhà, chị H7 sợ đã liên hệ với nhóm của Đ trả hết **20.000.000 đồng.**

+ Lần 2: Tháng 9/2023, anh Trần Mạnh H8, sinh năm 1986, trú tại ngõ D, khu Y, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh vay 20 triệu đồng của nhóm Đ và Nguyễn Quý H2 dưới hình thức bốc bát họ. Sau khi xác minh địa chỉ và kinh tế của anh H8, nhóm của Đ đồng ý cho anh H8 vay 20 triệu đồng, trừ đi các chi phí gồm thu tiền lãi trước là 4.000.000 đồng, tiền phí 400.000 đồng, tiền gốc đóng trước 02 ngày là 800.000 đồng, anh H8 được nhận số tiền là 14.800.000 đồng. Đ đã chuyển khoản cho anh H8 số tiền 14.800.000 đồng, mỗi ngày anh H8 phải đóng tiền gốc cho nhóm của Đ là 400.000 đồng, trong thời gian là 50 ngày. Anh H8 đã trả tiền gốc cho Đ và H2 được 11 ngày, tổng cộng là 4.400.000 đồng, sau đó còn lại **10.400.000 đồng** thì anh H8 không có tiền trả đúng hạn. Do vậy, H2 đã nhiều lần gọi điện cho anh H8 yêu cầu, đe dọa, chửi bới buộc anh H8 phải trả tiền nhưng anh H8 vẫn không có tiền trả. Cuối tháng 9/2023, Đ và H2 pha dầu luyn và mắm tôm đổ vào 04 túi nilon. Khoảng 2giờ - 3giờ sáng của ngày tiếp theo, Đ sử dụng xe máy (không nhớ BKS và xe của ai) chở H2 mang theo 04 túi nilon chứa chất bẩn đi đến nhà anh H8. Đ dừng xe ở đầu ngõ, H2 cầm 04 túi nilon chứa chất bẩn đi đến và ném vào cửa nhà anh H8. Sau khi ném chất bẩn xong, H2 đi ra nói với Đ là "xong rồi" và hai người đi về nhà. Buổi sáng cùng ngày ném chất bẩn vào nhà anh H8, H2 nhắn tin cho anh H8 tiếp tục đe dọa nếu anh H8 không trả tiền thì sẽ tiếp tục ném chất bẩn vào nhà. Tuy nhiên, sau đó anh H8 không có tiền nên không trả được cho nhóm của Đ. Tại thời điểm Đ và H2 ném chất bẩn vào nhà anh H8 thì anh H8 còn nợ nhóm của Đ số tiền **10.400.000 đồng**.

Cơ quan điều tra tiến hành thu thập các tài khoản ngân hàng của Lê Minh T, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn Đ sử dụng vào việc cho vay tiền. Ngày 15/3/2024, Cơ quan điều tra đã ra lệnh phong tỏa số tiền **75.000.000 đồng** trong tài khoản số 101803345677 mở tại ngân hàng V2 của Lê Minh T và số tiền **38.000.000 đồng** trong tài khoản số 0101001207479 tại ngân hàng V3 của Nguyễn Văn L.

Ngày 10/4/2024, sau khi được các bị can tác động về gia đình, chị *Phạm Thị Hồng N2*, sinh năm 1988, trú tại tổ B T, quận K, thành phố Hải Phòng đại diện gia đình các bị can đã tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả cho các bị can, trong đó: Đ là 100.200.000 đồng, L là 100.200.000 đồng, T3 là 50.200.000 đồng, H2 là 50.200.000 đồng, V1 là 50.200.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm:

- Thu của Lê Minh T 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone màu vàng hồng, có số IMEI: 357268099039358, điện thoại đã qua sử dụng, bị nứt vỡ màn hình và mặt sau.

- Thu giữ của Nguyễn Văn Đ 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone màu trắng, có số IMEI: 35715881255793 7, điện thoại đã qua sử dụng;

- Thu giữ của Nguyễn Văn L 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO X5, màu đen, số IMEI: 866882051997850, điện thoại đã qua sử dụng.

Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra các điện thoại trên, xác định phần mềm Zalo cài đặt trong điện có nhiều nội dung liên quan đến việc trao đổi với khách vay tiền; đòi nợ, chửi bới và đe dọa khách vay tiền.

Đối với những quyển sổ, giấy tờ ghi chép việc cho vay, T, L và Đ đã đốt nên không thu hồi được.

Quá trình điều tra, truy tố, Lê Minh T, Bùi Văn K, Nguyễn Văn L, Vũ Duy V1, Phùng Văn T3, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Quý H2 và Trần Ngọc S1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên

Với nội dung trên, Cáo trạng số 36/CT-VKSBN-P1 ngày 12/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh truy tố Lê Minh T, Bùi Văn K, Nguyễn Văn L, Vũ Duy V1, Phùng Văn T3, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Quý H2 và Trần Ngọc S1 về các tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự và "Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội của bản thân như Cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo trình bày: đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng đối với các khách hàng có nhu cầu vay tiền với mức lãi suất là 146%/1 năm, tương đương là 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày dưới hình thức bốc bát họ. Sau khi đến hạn những người vay không trả được thì các bị cáo gọi điện, nhắn tin đe doạ, chửi bới và dùng mắm tôm pha với dầu luyn để ném vào nhà các con nợ ép buộc họ phải trả nợ số tiền còn lại. Các bị cáo đều thừa nhận cáo trạng truy tố các bị cáo về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự và "Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, không oan. Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Những người liên quan là chị Đào Thị H và Phạm Thị Hồng N2 có mặt đều trình bày đã nộp một khoản tiền để khắc phục hậu quả cho các bị cáo. Trong đó chị H đã nộp 525.200.000 để khắc phục hậu quả cho bị cáo T. Tuy nhiên, các chị

đều không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả số tiền này cho các chị. Chị N2 trình bày đã nộp 2 lần tiền một lần nộp 350 triệu đồng nộp tại cơ quan điều tra để khắc phục cho bị cáo Đ là 100.200.000đ; bị cáo L là 100.200.000đ; bị cáo T3, H2, V1 mỗi bị cáo là 50.200.000đ, lần 2 chị nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh cho bị cáo L là 400 triệu đồng và bị cáo Đ là 50 triệu đồng, nếu trường hợp bị cáo T3, H2 và V1 không phải khắc phục hậu quả thì chị đề nghị: Đối với số tiền 50.200.000 đồng chị nộp cho bị cáo H2, đề nghị chuyển 50 triệu đồng nộp cho Đ để Đ nộp tiền khắc phục hậu quả; đối với số tiền 50.200.000đ chị nộp cho bị cáo T3 và 50.200.000đ chị nộp cho bị cáo V1 thì chị đề nghị chuyển 100 triệu đồng (của T3 50 triệu đồng và của V1 50 triệu đồng) cho bị cáo L để Lạp nộp tiền khắc phục hậu quả.

Các bị hại vắng mặt tại phiên tòa, theo lời khai có trong hồ sơ vụ án, sau khi bị các bị cáo ném chất bẩn vào nhà bản thân rất lo sợ, hoảng loạn, cuộc sống sinh hoạt bị đảo lộn, không dám đi đến các chỗ vắng người vì sợ bị theo dõi và trả thù. Các bị hại đã phải đi vay tiền khắp nơi để trả lại cho các bị cáo, trong đó anh Nguyễn Văn L3 đã trả nhóm của L nhiều lần, hiện còn nợ 3.000.000 đồng; chị Trần Thị Thu H7 trả đủ nhóm của Đ đối với khoản vay tháng 6/2023 số tiền là 20.000.000 đồng; anh H8, N1 chưa có tiền để trả các bị cáo. Các bị hại đều đề nghị xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu luận tội giữ nguyên tội danh Cáo trạng truy tố. Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị HĐXX tuyên bố Lê Minh T, Bùi Văn K, Nguyễn Văn L, Vũ Duy V1, Phùng Văn T3, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Quý H2 và Trần Ngọc S1 phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" và "Cưỡng đoạt tài sản".

Áp dụng: Khoản 2, 3, Điều 201; Khoản 1 Điều 170; Điểm s, Khoản 1, Khoản 2, Điều 51; Điểm g, Khoản 1, Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 và Điều 55 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn L từ 18 tháng đến 21 tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản" và từ 18 tháng đến 21 tháng tù về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Tổng hợp 02 tội, phạt bị cáo L từ 36 tháng đến 42 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo L từ 30 triệu đến 40 triệu đồng;

Áp dụng khoản 2, 3, Điều 201; Khoản 1 Điều 170; Điểm s, Khoản 1, Khoản 2, Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 và Điều 55 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo: Lê Minh T từ 18 tháng đến 21 tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản" và từ 18 tháng đến 21 tháng tù về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Tổng hợp 02 tội, phạt bị cáo T từ 36 tháng đến 42 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo T từ 30 triệu đến 40 triệu đồng;

Áp dụng khoản 2, 3, Điều 201; Khoản 1 Điều 170; Điểm s, Khoản 1, Khoản 2, Điều 51; Điểm g, Khoản 1, Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 và Điều 55 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn Đ từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản" và từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội "Cho vay lãi nặng trong

giao dịch dân sự". Tổng hợp 02 tội, phạt bị cáo Đ từ 30 tháng đến 36 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo Đ từ 30 triệu đến 40 triệu đồng;

Áp dụng khoản 2, Điều 201; Khoản 1, Điều 170; Điểm s, Khoản 1, Khoản 2, Điều 51; Điểm g, Khoản 1, Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 và Điều 55 Bộ luật hình sự. xử phạt bị cáo: Phùng Văn T3 từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản" và từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Tổng hợp 02 tội, phạt bị cáo T3 từ 21 tháng đến 27 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung;

Áp dụng khoản 2, Điều 201; Khoản 1, Điều 170; Điểm s, Khoản 1, Khoản 2, Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 và Điều 55 Bộ luật hình sự. xử phạt bị cáo: Vũ Duy V1 từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản" và từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Tổng hợp 02 tội, phạt bị cáo V1 từ 21 tháng đến 27 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung;

Áp dụng khoản 2, Điều 201; Khoản 1, Điều 170; Điểm s, Khoản 1, Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 và Điều 55 Bộ luật hình sự. xử phạt bị cáo: Bùi Văn K từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản" và từ 09 tháng đến 12tháng tù về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Tổng hợp 02 tội, phạt bị cáo K từ 21 tháng đến 27 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung;

Áp dụng: Khoản 2, Điều 201; Khoản 1, Điều 170; Điểm s, Khoản 1, Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 và Điều 55 Bộ luật hình sự. xử phạt bị cáo: Trần Ngọc S1 từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản" và từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Tổng hợp 02 tội, phạt bị cáo S1 từ 21 tháng đến 27 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung;

Áp dụng khoản 2, Điều 201; Khoản 1, Điều 170; Điểm s, Khoản 1, Khoản 2, Điều 51; Điểm h, Khoản 1, Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 và Điều 55 Bộ luật hình sự. xử phạt bị cáo: Nguyễn Quý H2 từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản" và từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Tổng hợp 02 tội, phạt bị cáo H2 từ 21 tháng đến 27 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung.

* Về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung công: 03 chiếc điện thoại của bị cáo T, L và Đ

- Tiếp tục phong tỏa số tiền 75.000.000 đồng trong tài khoản số 101803345677 mở tại ngân hàng V2 của Lê Minh T và số tiền 38.000.000 đồng trong tài khoản số 0101001207479 tại ngân hàng V3 của Nguyễn Văn L để đảm bảo thi hành án.

* Về biện pháp tư pháp.

+ Đối với các bị cáo.

- Buộc bị cáo Lê Minh T phải nộp số tiền 91.780.822 đồng do phạm tội mà có để sung quỹ nhà nước.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải nộp số tiền 382 triệu đồng (600-218) sử dụng vào việc phạm tội và số tiền 87.534.247 đồng do phạm tội mà có để sung quỹ nhà nước. Tổng cộng T phải nộp là 469.534.247 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải nộp số tiền 34.383.562 đồng do phạm tội mà có để sung quỹ nhà nước.

- Buộc bị cáo Lê Minh T phải trả lại số tiền 520.027.414đ thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Và cùng với Nguyễn Văn L trả cho anh Trần Thọ Q3 125.191.781đ (trong đó T phải trả anh Q3 72.226.027đ; L phải trả cho anh Q3 là 52.965.754đ).

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải trả lại số tiền 615.365.753 đồng thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải trả lại số tiền 164.675.343 đồng thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Và cùng L phải trả chị Nguyễn Thị D1 là 77.041.096 đồng (trong đó Đ phải trả 57.790.822đ; L phải trả 19.250.274 đồng).

* Xác nhận các bị cáo đã tác động đến gia đình nộp tiền lại tiền sử dụng cho vay, tiền thu lợi bất chính và trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cụ thể: Đ nộp 150.200.000 đồng, H2 nộp 50.200.000 đồng (trong đó 50 triệu đồng để nộp tiền thu lời bất chính cho Đ); Lạp nộp 500.200.000 đồng, T3 nộp 50.200.000 đồng (trong đó 50 triệu đồng để nộp tiền thu lời bất chính cho L), V1 nộp 50.200.000 đồng (trong đó 50 triệu đồng để nộp tiền thu lời bất chính cho L) và T nộp 525.200.000 đồng.

+ Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp lại số tiền gốc đã vay của bị cáo Lê Minh T nhưng chưa trả để sung công quỹ nhà nước, tổng cộng là 206.000.000 đồng.

- Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp lại số tiền gốc đã vay của bị cáo Nguyễn Văn L nhưng chưa trả để sung công quỹ nhà nước, tổng cộng là 218.000.000 đồng.

- Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp lại số tiền gốc đã vay của bị cáo Nguyễn Văn Đ nhưng chưa trả để sung công quỹ nhà nước, tổng cộng là 197.900.000 đồng.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận gì.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo rất ăn năn về hành vi phạm tội của bản thân, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Đối với hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do vậy Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở kết luận:

Từ tháng 05/2022 đến tháng 12/2023, trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, Lê Minh T, Bùi Văn K, Nguyễn Văn L, Vũ Duy V1, Phùng Văn T3, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Quý H2 và Trần Ngọc S1 đã câu kết với nhau thực hiện hoạt động cho vay lãi nặng dưới hình thức "bốc bát họ" với lãi suất 146%/năm vượt quá 05 lần mức lãi suất quy định của nhà nước là 20%/năm, trong đó:

- Lê Minh T cùng với Bùi Văn K, Trần Ngọc S1 và Nguyễn Văn L cho 09 người vay/95 lượt vay tiền với lãi suất 146%/năm, tổng số tiền cho vay là 3.350.000.000 đồng, thu tổng số tiền lãi là 670.000.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 91.780.822 đồng, tiền lãi trái quy định là 578.219.178 đồng. Ngoài ra còn thu tiền phí trái quy định của khách vay số tiền 67.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền thu lợi bất chính là 645.219.718 đồng, trong đó Nguyễn Văn L cùng góp tiền với T cho anh Trần Thọ Q3 vay 11 lượt với tổng số tiền vay là 550.000.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 105.931.507 đồng, mỗi người được hưởng lợi 50% là 52.965.754 đồng.

- Nguyễn Văn L cùng với Phùng Văn T3 và Vũ Duy V1 cho 04 người vay/36 lượt vay tiền với lãi suất 146%/năm, tổng số tiền cho vay là 3.195.000.000 đồng, thu tổng số tiền lãi là 639.000.000 đồng, trong đó: Tiền lãi theo quy định là 87.534.247 đồng, tiền lãi trái quy định là 551.465.753 đồng. Ngoài ra còn thu tiền phí trái quy định của khách vay số tiền 63.900.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền thu lợi bất chính là 615.365.753 đồng.

- Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn L và Nguyễn Quý H2 cho 05 người vay/25 lượt vay tiền với lãi suất 146%/năm, tổng số tiền cho vay là 1.255.000.000 đồng, thu tổng số tiền lãi là 251.000.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 34.383.562 đồng, tiền lãi trái quy định là 216.616.438 đồng. Ngoài ra còn thu tiền

phí trái quy định của khách vay số tiền 25.100.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền nhóm của Đ thu lợi bất chính là 241.716.438 đồng, trong đó: Nguyễn Quý H2 chịu trách nhiệm cùng Nguyễn Văn Đ đối với các khoản cho chị Nguyễn Hải Y vay 275 triệu đồng; chị Trần Thị Thu H7 vay 100 triệu đồng; chị Nguyễn Thị D1 vay 200 triệu đồng; chị Nguyễn Thị Minh N3 vay 100 triệu đồng; anh Trần Mạnh H8 vay 20 triệu đồng. Tổng số tiền vay là 695 triệu đồng, thu tiền phí trái quy định là 13.900.000 đồng và tiền lãi là 139.000.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 19.041.096 đồng, tiền lãi trái quy định là 119.958.904 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 133.858.904 đồng. Nguyễn Văn L phải chịu trách nhiệm cùng Đ và H2 đối với 02 khoản vay ngày 19/8/2023 và ngày 28/9/2023 của chị Nguyễn Thị D1 với tổng số tiền là 200 triệu đồng, thu lời bất chính là 38.520.548 đồng, L và Đ mỗi người hưởng 50% là 19.250.274 đồng.

Như vậy, tổng số tiền thu lợi bất chính của Nguyễn Văn L là 687.591.781 đồng, Lê Minh T là 592.253.425 đồng và Nguyễn Văn Đ là 222.456.164 đồng.

Do vậy, đủ căn cứ để xét xử Lê Minh T, Bùi Văn K, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn Đ, Trần Ngọc S1, Phùng Văn T3, Vũ Duy V1, Nguyễn Quý H2 về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo Khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng đã truy tố là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Lê Minh T, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn Đ, Bùi Văn K, Trần Ngọc S1, Phùng Văn T3, Vũ Duy V1, Nguyễn Quý H2 còn có hành vi ném chất bẩn (dầu luyn pha với mắm tôm) vào nhà người vay tiền để đe dọa và đòi tiền người vay, trong đó:

Lê Minh T, Bùi Văn K, Trần Ngọc S1 ném chất bẩn vào nhà anh Đinh Hải N1, sinh năm 1980 ở chợ Đ4, N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh để đe dọa đòi số tiền 15.200.000 đồng.

Nguyễn Văn L, Phùng Văn T3, Vũ Duy V1 ném chất bẩn vào nhà người vay tiền để đe dọa đòi số tiền 38.800.000 đồng trong đó: chị Trần Thị Thu H7, sinh năm 1988, trú tại phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc là 30.000.000 đồng và anh Nguyễn Văn L3, sinh năm 1976, trú tại khu Đ, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh là 8.800.000 đồng (V1 chỉ tham gia ném chất bẩn vào nhà anh L3).

Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Quý H2 ném chất bẩn vào nhà người vay tiền để đe dọa đòi số tiền 30.400.000 đồng, trong đó: chị Trần Thị Thu H7, sinh năm 1988, trú tại phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh là 20.000.000 đồng và anh Trần Mạnh H8, sinh năm 1986, trú tại ngõ D, khu Y, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh là 10.400.000 đồng (Nguyễn Quý H2 chỉ tham gia ném chất bẩn vào nhà anh Trần Mạnh H8).

Bằng những hành vi dùng chất bẩn ném vào nhà các bị hại gây cảm giác hoang mang, lo sợ để đòi lại số tiền của các bị hại, do đó, có đủ căn cứ để xét xử các bị cáo Lê Minh T, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn Đ, Bùi Văn K, Trần Ngọc S1, Phùng Văn T3, Vũ Duy V1, Nguyễn Quý H2 về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo

Khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng truy tố là có căn cứ và đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tài chính mà còn xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của Nhà nước, tổ chức, cá nhân và quan hệ nhân thân, nên cần xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự để giáo dục, răn đe các bị cáo.

[3]. Xét vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy:

Về vai trò: Đây là vụ án có tính đồng phạm giản đơn. Các nhóm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội độc lập nên phải chịu trách nhiệm đối với số tiền thu lợi bất chính thu được. Lê Minh T, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn Đ giữ vai trò chính trong các nhóm, là người khởi sướng, chuẩn bị vốn để cho vay theo hình thức bốc bát họ, hưởng lợi bất chính toàn bộ số tiền lãi thu được và là người chỉ đạo các bị cáo khác thực hiện hành vi ném chất bẩn vào nhà các bị hại. Bị cáo Bùi Văn K, Trần Ngọc S1 là người làm thuê cho Lê Minh T; bị cáo Phùng Văn T3, Vũ Duy V1 là người làm thuê cho Nguyễn Văn L; bị cáo Nguyễn Quý H2 là người làm thuê cho Nguyễn Văn Đ nên K, S1, T3, V1, H2 nghe theo toàn bộ sự chỉ đạo của T, L, Đ trong việc thu tiền và ném chất bẩn vào nhà của các bị hại nhằm đòi lại tiền nợ. Vì vậy, Bùi Văn K, Trần Ngọc S1, Phùng Văn T3, Vũ Duy V1, Nguyễn Quý H2 có vai trò giúp sức tích cực cho hành vi cho vay lãi nặng và là người thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản trong vụ án.

Về nhân thân: Các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn Đ, Bùi Văn K, Phùng Văn T3 có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo Lê Văn T9, Trần Ngọc S1, Vũ Duy V1, Nguyễn Quý H2 có nhân thân xấu, bị cáo H2 có 01 tiền án, chưa được xóa án tích.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Lê Minh T, Bùi Văn K, Trần Ngọc S1 đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn L, Phùng Văn T3 và Nguyễn Văn Đ 02 lần cưỡng đoạt tài sản đối với 02 bị hại. Do vậy, phải chịu tình tiết tăng nặng "Phạm tội 02 lần trở lên" theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Quý H2 có 01 tiền án, chưa được xóa án tích, lần phạm tội này thuộc trường hợp "Tái phạm" nên áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn L có ông ngoại là ông Trần Công Đ3 là liệt sỹ; bị cáo Nguyễn Quý H2 đã từng tham gia quân đội; bị cáo Vũ Duy V1 có bác ruột là Vũ Duy T10, chú ruột là Vũ Duy L4 là liệt sỹ, hiện gia đình đang thờ cúng liệt sỹ, bố đẻ là ông Vũ Duy Đ1 được tặng thưởng Huy chương kháng chiến nên các bị cáo Đ, L, H2, V1 có thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật

Hình sự. Các bị cáo đều tác động gia đình nộp một khoản tiền để khắc phục hậu quả nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Xét thấy, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo thực hiện hành vi cho vay lãi nặng đối với nhiều người, số tiền dùng vào việc cho vay rất lớn, làm cho người vay lâm vào hoàn cảnh khó khăn do việc trả lãi quá cao, khi không trả được lãi thì các bị cáo thực hiện hành vi ném chất bẩn vào nhà những người vay để tạo tâm lý hoang mang, lo sợ nhằm mục đích lấy lại tiền. Các bị cáo cùng lúc đều phạm 2 tội, trong đó có 1 tội ít nghiêm trọng và 1 tội nghiêm trọng. Do vậy, cần xử lý nghiêm các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo nhằm răn đe, phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo T, L và Đ cho vay lãi nặng đều nhằm mục đích hưởng lợi bất chính nên cần phạt bổ sung các bị cáo hình phạt tiền. Các bị cáo còn lại chỉ là những người làm thuê nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[4]. Về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp:

4.1. Đối với số tiền các bị cáo dùng để cho vay lãi nặng cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- Bị cáo Lê Minh T đã dùng 200 triệu đồng để cho vay quay vòng, tuy nhiên đến nay 08 người vay chưa trả Toàn 206 triệu đồng tiền gốc. Do vậy, buộc 08 người liên quan phải nộp lại số tiền gốc đã vay của T chưa trả để sung ngân sách nhà nước, cụ thể:

1. Anh Đinh Hải N1 phải nộp lại 15.200.000đ;

2. Chị Nguyễn Thị Q2 phải nộp lại 28.800.000đ;

3. Anh Nguyễn Đình M phải nộp lại 24.000.000đ;

4. Chị Đỗ Thị T6 phải nộp lại 16.200.000đ;

5. Anh Nguyễn Văn K2 phải nộp lại 52.800.000đ;

6. Anh Hoàng Văn H9 phải nộp lại 17.600.000đ;

7. Anh Trần Thọ Q3 phải nộp lại 45.000.000đ;

8. Anh Tô Văn H10 phải nộp lại 6.400.000đ.

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn L, bị cáo đã dùng 600 triệu đồng để cho vay quay vòng, đến nay 04 người vay chưa trả bị cáo số tiền là 218 triệu đồng, nên cần buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải nộp lại số tiền 600 triệu đồng – 218 triệu đồng = 382.000.000 đồng và 04 người liên quan nộp lại số tiền gốc đã vay của L chưa trả để sung ngân sách nhà nước, cụ thể:

1. Chị Nguyễn Thị Thu H14 phải nộp lại 80.000.000 đồng.

2. Chị Nguyễn Thị Minh N3 phải nộp lại 33.000.000 đồng

3. Chị Nguyễn Hải Y phải nộp lại 102.000.000 đồng

4. Anh Nguyễn Văn L3 phải nộp lại 3.000.000 đồng

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ không xác định được khoản tiền bỏ ra cho vay ban đầu, tuy nhiên đến nay còn 05 người vay chưa trả Đ nên buộc 05 người liên quan nộp lại số tiền gốc đã vay của Đ là 197.900.000đ để sung ngân sách nhà nước, cụ thể:

1. Chị Nguyễn Thị Hải Y1 phải nộp lại 61.500.000đ.

2. Chị Trần Thị Thu H7 phải nộp lại 44.000.000đ.

3. Chị Nguyễn Thị D1 phải nộp lại 64.000.000đ.

4. Chị Nguyễn Thị Minh N3 phải nộp lại 18.000.000đ.

5. Anh Trần Mạnh H8 phải nộp lại 10.400.000đ.

4.2. Đối với số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo bao gồm tiền lãi trong hạn mức 20%/năm, tiền lãi trên mức 20%/năm và tiền phí trái pháp luật.

Tịch thu sung ngân sách số tiền lãi trong mức 20%/năm mà các bị cáo thu được từ những người đi vay là tiền có được do hành vi phạm tội mà có, nên buộc bị cáo Lê Minh T nộp lại số tiền 91.780.822 đồng; bị cáo Nguyễn Văn L nộp lại số tiền 87.534.247 đồng; Nguyễn Văn Đ nộp lại số tiền 34.383.562 đồng.

Buộc các bị cáo phải có nghĩa vụ trả lại cho những người đi vay khoản tiền lãi trên mức 20%/năm và số tiền phí mà các bị cáo chiếm đoạt trái pháp luật, bị cáo Lê Minh T phải trả lại 09 người vay 530.753.423 đồng tiền lãi trên mức 20%/năm và 61.500.000đ tiền phí trái pháp luật, cụ thể:

1. Trả cho anh Đinh Hải N1 15.534.247 đồng tiền lãi trên mức 20%/năm và 1.800.000 đồng tiền phí trái pháp luật.

2. Trả lại chị Nguyễn Thị Q2 31.068.493 đồng tiền lãi trên mức 20%/năm và 3.600.000 đồng tiền phí trái pháp luật.

3. Trả lại anh Nguyễn Đình M 93.205.479 đồng tiền lãi trên mức 20%/năm và 10.800.000 đồng tiền phí trái pháp luật.

4. Trả lại anh Nguyễn Đức T5 5.178.082 đồng tiền lãi trên mức 20%/năm và 600.000 đồng tiền phí trái pháp luật.

5. Trả lại chị Đỗ Thị T6 51.780.822 đồng tiền lãi trên mức 20%/năm và 6.000.000 đồng tiền phí trái pháp luật.

6. Trả lại anh Nguyễn Văn K2 144.986.301 đồng tiền lãi trên mức 20%/năm và 16.800.000 đồng tiền phí trái pháp luật.

7. Trả lại anh Hoàng Văn H9 110.465.753 đồng tiền lãi trên mức 20%/năm và 12.800.000 đồng tiền phí trái pháp luật.

8. Trả lại anh Tô Văn H10 13.808.219 đồng tiền lãi trên mức 20%/năm và 1.600.000 đồng tiền phí trái pháp luật.

9. Trả lại anh Trần Thọ Q3 64.726.027 đồng tiền lãi trên mức 20%/năm và 7.500.000 đồng tiền phí trái pháp luật.

Buộc Nguyễn Văn L phải trả lại 06 người vay 616.191.781 đồng tiền lãi trên mức 20%/năm và 71.400.000 đồng tiền phí trái pháp luật, cụ thể:

1. Trả chị Trần Thị Thu H7 116.506.849 đồng tiền lãi trên mức 20%/năm và 13.500.000 đồng tiền phí trái pháp luật.

2. Trả chị Nguyễn Thị Minh N3 43.150.685 đồng tiền lãi trên mức 20%/năm và 5.000.000 đồng tiền phí trái pháp luật.

3. Trả chị Nguyễn Hải Y1 386.630.137 đồng tiền lãi trên mức 20%/năm và 44.800.000 đồng tiền phí trái pháp luật.

4. Trả anh Nguyễn Văn L3 5.178.082 đồng tiền lãi trên mức 20%/năm và 600.000 đồng tiền phí trái pháp luật.

5. Trả lại anh Trần Thọ Q3 47.465.754 đồng tiền lãi trên mức 20%/năm và 5.500.000 đồng tiền phí trái pháp luật.

6. Trả chị Nguyễn Thị D1 17.260.274 đồng tiền lãi trên mức 20%/năm và 2.000.000 đồng tiền phí trái pháp luật.

Buộc Nguyễn Văn Đ phải trả lại cho 05 người vay 199.356.165 đồng tiền lãi trên mức 20%/năm và 23.100.000 đồng tiền phí trái pháp luật, cụ thể:

1. Trả chị Nguyễn Hải Y1 66.452.055 đồng tiền lãi trên mức 20%/năm và 7.700.000đ tiền phí trái pháp luật.

2. Trả chị Trần Thị Thu H7 43.150.685 đồng tiền lãi trên mức 20%/năm và 5.000.000đ tiền phí trái pháp luật.

3. Trả chị Nguyễn Thị D1 51.780.822 đồng tiền lãi trên mức 20%/năm và 6.000.000đ tiền phí trái pháp luật.

4. Trả chị Nguyễn Thị Minh N3 34.520.548 đồng tiền lãi trên mức 20%/năm và 4.000.000 đồng tiền phí trái pháp luật.

5. Trả anh Trần Mạnh H8 3.452.055 đồng tiền lãi trên mức 20%/năm và 400.000đ đồng tiền phí trái pháp luật.

4.3. Tịch thu sung ngân sách những tài sản có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, gồm: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone màu vàng hồng, có số IMEI: 357268099039358, điện thoại đã qua sử dụng, bị nứt vỡ màn hình và mặt sau của Lê Minh T; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone màu trắng, có số IMEI: 35715881255793 7, điện thoại đã qua sử dụng của Nguyễn Văn Đ; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO X5, màu đen, số IMEI: 866882051997850, điện thoại đã qua sử dụng của Nguyễn Văn L.

4.4. Tiếp tục duy trì Lệnh phong tỏa số 218/LPT-PC02 ngày 15/3/2024 số tiền 75.000.000 đồng trong tài khoản số 101803345677 mở tại ngân hàng V4 của Lê Minh T và Lệnh phong tỏa tài khoản số 217/LPT-CSHS ngày 15/3/2024 số

tiền 38.000.000 đồng trong tài khoản số 0101001207479 tại ngân hàng V3 của Nguyễn Văn L để đảm bảo thi hành án.

4.5. Đối với số tiền 50.200.000 đồng chị N2 nộp cho bị cáo H2, tại phiên tòa chị đề nghị chuyển 50 triệu đồng nộp cho Đ để Đ nộp tiền khắc phục hậu quả; đối với số tiền 50.200.000 đồng chị nộp cho bị cáo T3 và 50.200.000 đồng chị nộp cho bị cáo V1 thì chị đề nghị chuyển 100 triệu đồng (của T3 50 triệu đồng và của V1 50 triệu đồng) cho bị cáo L để Lạp nộp tiền khắc phục hậu quả, xét thấy đề nghị của chị N2 là phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[5]. Về vấn đề liên quan khác:

Đối với Nguyễn Thị Thúy H11 là người theo bị can Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Quý H2 khai giao tiền cho L và Đ để thực hiện cho vay lãi, thuê H2 làm cùng Đ cho vay lãi nặng. Hiện nay, H11 không có mặt ở địa phương, đi đâu, làm gì gia đình và chính quyền địa phương không biết nên Cơ quan điều tra chưa tiến hành làm việc được. Đến nay, chỉ có lời khai của bị can L, Đ và H2 khai nhận H11 là người giao tiền và thuê làm việc cho vay lãi nặng nên Cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ để xử lý H11. Do vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau là phù hợp

Đối với Mai Văn Đ2, Nguyễn Nhân T8 và Phạm Văn H12 là những người theo các bị can Nguyễn Văn L, Phùng Văn T3, Nguyễn Văn Đ và Vũ Duy V1 khai nhận giúp L cho vay lãi nặng và đi ném chất bẩn vào nhà người vay không trả tiền. Hiện nay, Mai Văn Đ2, Nguyễn Nhân T8 và Phạm Văn H12 không có mặt ở địa phương, đi đâu, làm gì gia đình và chính quyền địa phương không biết. Đến nay, chỉ có lời khai của các bị can L, T8, Đ và V1, ngoài ra không còn căn cứ nào khác chứng minh Mai Văn Đ2, Nguyễn Nhân T8 và Phạm Văn H12 giúp L cho vay lãi nặng và đi ném chất bẩn nên Cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ xử lý. Do vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau là phù hợp.

[6]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Minh T, Bùi Văn K, Nguyễn Văn L, Vũ Duy V1, Phùng Văn T3, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Quý H2 và Trần Ngọc S1 phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" và "Cưỡng đoạt tài sản".

- Áp dụng Khoản 2, khoản 3 Điều 201; khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 55; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Lê Minh T 18 (Mười tám) tháng tù về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"; 21 (Hai mốt) tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 39 (Ba chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/10/2023. Phạt bổ sung bị cáo T 30 triệu

đồng.

- Áp dụng Khoản 2 Điều 201; khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 55; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bùi Văn K 9 (C2) tháng tù về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"; 15 (Mười lăm) tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo K phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 24 (Hai bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/10/2023.

Trần Ngọc S1 9 (C2) tháng tù về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"; 15 (Mười lăm) tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo S1 phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 24 (Hai bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/10/2023.

- Áp dụng Khoản 2, khoản 3 Điều 201; khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 55; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Văn L 21 (Hai mốt) tháng tù về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"; 21 (Hai mốt) tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo L phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 42 (Bốn hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/10/2023. Phạt bổ sung bị cáo L 30 triệu đồng.

Nguyễn Văn Đ 18 (Mười tám) tháng tù về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"; 18 (Mười tám) tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Đ phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 36 (Ba sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/10/2023. Phạt bổ sung bị cáo Đ 30 triệu đồng.

- Áp dụng Khoản 2 Điều 201; khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; (thêm điểm g khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo T3; điểm h khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo Nguyễn Quý H2); Điều 17; Điều 58; Điều 55; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Quý H2 12 (Mười hai) tháng tù về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"; 15 (Mười lăm) tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo H2 phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 27 (Hai bẩy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/10/2023.

Vũ Duy V1 9 (C2) tháng tù về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"; 15 (Mười lăm) tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo V1 phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 24 (Hai bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/10/2023.

Phùng Văn T3 9 (C2) tháng tù về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"; 15 (Mười lăm) tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo T3 phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 24 (Hai bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/10/2023.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự: Quyết định tạm giam các bị cáo Lê Minh T, Bùi Văn K, Nguyễn Văn L, Vũ Duy V1, Phùng Văn T3, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Quý H2 và Trần Ngọc S1 mỗi bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật Dân sự.

- Buộc bị cáo Lê Minh T phải trả lại 09 người vay 592.253.423 đồng, cụ thể:

1. Trả cho anh Đinh Hải N1 17.334.247 đồng.

2. Trả lại chị Nguyễn Thị Q2 34.668.493 đồng.

3. Trả lại anh Nguyễn Đình M 104.005.479 đồng.

4. Trả lại anh Nguyễn Đức T5 5.778.082 đồng.

5. Trả lại chị Đỗ Thị T6 57.780.822 đồng.

6. Trả lại anh Nguyễn Văn K2 161.786.301 đồng.

7. Trả lại anh Hoàng Văn H9 123.265.753 đồng.

8. Trả lại anh Tô Văn H10 15.408.219 đồng.

9. Trả lại anh Trần Thọ Q3 72.226.027 đồng.

- Buộc Nguyễn Văn L phải trả lại 06 người vay 687.591.781 đồng, cụ thể:

1. Trả chị Trần Thị Thu H7 130.006.849 đồng.

2. Trả chị Nguyễn Thị Minh N3 48.150.685 đồng.

3. Trả chị Nguyễn Hải Y1 431.430.137 đồng.

4. Trả anh Nguyễn Văn L3 5.778.082 đồng.

5. Trả lại anh Trần Thọ Q3 52.965.754 đồng.

6. Trả chị Nguyễn Thị D1 19.260.274 đồng.

- Buộc Nguyễn Văn Đ phải trả lại cho 05 người vay 222.456.165 đồng, cụ thể:

1. Trả chị Nguyễn Hải Y1 74.152.055 đồng.

2. Trả chị Trần Thị Thu H7 48.150.685 đồng.

3. Trả chị Nguyễn Thị D1 57.780.822 đồng.

4. Trả chị Nguyễn Thị Minh N3 38.520.548 đồng.

5. Trả anh Trần Mạnh H8 3.852.055 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng phải

chịu một khoản lãi của số tiền chậm thi hành án theo quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

3.1 Tịch thu sung ngân sách nhà nước đối với số tiền các bị cáo dùng để cho vay lãi nặng.

- Buộc 08 người liên quan phải nộp lại số tiền gốc đã vay của T chưa trả là 206.000.000đ để sung ngân sách nhà nước, cụ thể:

1. Anh Đinh Hải N1 phải nộp lại 15.200.000đ;

2. Chị Nguyễn Thị Q2 phải nộp lại 28.800.000đ;

3. Anh Nguyễn Đình M phải nộp lại 24.000.000đ;

4. Chị Đỗ Thị T6 phải nộp lại 16.200.000đ;

5. Anh Nguyễn Văn K2 phải nộp lại 52.800.000đ;

6. Anh Hoàng Văn H9 phải nộp lại 17.600.000đ;

7. Anh Trần Thọ Q3 phải nộp lại 45.000.000đ;

8. Anh Tô Văn H10 phải nộp lại 6.400.000đ.

- Buộc Nguyễn Văn L phải nộp lại 382.000.000đ và 04 người liên quan nộp lại số tiền gốc đã vay của L chưa trả là 218.000.000đ để sung ngân sách nhà nước, cụ thể:

1. Chị Nguyễn Thị Thu H14 phải nộp lại 80.000.000đ.

2. Chị Nguyễn Thị Minh N3 phải nộp lại 33.000.000đ.

3. Chị Nguyễn Hải Y1 phải nộp lại 102.000.000đ.

4. Anh Nguyễn Văn L3 phải nộp lại 3.000.000đ.

- Buộc 05 người liên quan nộp lại số tiền gốc đã vay của Đ chưa trả là 197.900.000đ để dung ngân sách nhà nước, cụ thể:

1. Chị Nguyễn Hải Y1 phải nộp lại 61.500.000đ.

2. Chị Trần Thị Thu H7 phải nộp lại 44.000.000đ.

3. Chị Nguyễn Thị D1 phải nộp lại 64.000.000đ.

4. Chị Nguyễn Thị Minh N3 phải nộp lại 18.000.000đ.

5. Anh Trần Mạnh H8 phải nộp lại 10.400.000đ.

3.2. Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền lãi trong hạn mức quy định từ hành vi phạm tội của các bị cáo: Buộc bị cáo Lê Minh T nộp lại số tiền 91.780.822 đồng; bị cáo Nguyễn Văn L nộp lại số tiền 87.534.247 đồng; Nguyễn Văn Đ nộp lại số tiền 34.383.562 đồng.

3.3. Tịch thu sung ngân sách những tài sản có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, gồm: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone màu vàng hồng, có số IMEI: 357268099039358, điện thoại đã qua sử dụng, bị nứt vỡ màn hình và mặt sau của Lê Minh T; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone màu trắng, có số IMEI: 357158812557937, điện thoại đã qua sử dụng của Nguyễn Văn Đ; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO X5, màu đen, số IMEI: 866882051997850, điện thoại đã qua sử dụng của Nguyễn Văn L.

(Vật chứng theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 77/2024 ngày 11/4/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh)

Xác nhận bị cáo Phùng Văn T3 đã nộp 50.200.000 đồng (trong đó 50 triệu đồng nộp tiền khắc phục hậu quả cho L) theo Biên lai thu tiền số 0000209 ngày 10/4/2024; Nguyễn Quý H2 đã nộp 50.200.000 đồng (trong đó 50 triệu đồng nộp tiền khắc phục hậu quả cho Đ) theo Biên lai thu tiền số 0000210 ngày 10/4/2024; Nguyễn Văn Đ đã nộp 150.200.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000208 ngày 10/4/2024 và số 0000224 ngày 4/6/2024; Nguyễn Văn L đã nộp 500.200.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000207 ngày 10/4/2024 và số 0000223 ngày 4/6/2024; Vũ Duy V1 đã nộp 50.200.000 đồng (trong đó 50 triệu đồng nộp tiền khắc phục hậu quả cho L) theo Biên lai thu tiền số 0000211 ngày 10/4/2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh).

4. Áp dụng điều 129 Bộ luật tố tụng Hình sự: Tiếp tục duy trì Lệnh phong tỏa số 218/LPT-PC02 ngày 15/3/2024 số tiền 75.000.000 đồng trong tài khoản số 101803345677 mở tại ngân hàng V4 của Lê Minh T và Lệnh phong tỏa tài khoản số 217/LPT-CSHS ngày 15/3/2024 số tiền 38.000.000 đồng trong tài khoản số 0101001207479 tại ngân hàng V3 của Nguyễn Văn L để đảm bảo thi hành án.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Lê Minh T, Bùi Văn K, Nguyễn Văn L, Vũ Duy V1, Phùng Văn T3, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Quý H2 và Trần Ngọc S1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao, VKSND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- CQĐT (PC02), (PV06) Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo; người TGTT;
- Lưu HS; Tòa HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Hòa